

KỶ NIỆM
117 NĂM
NGÀY SINH
ÔNG NGUYỄN VĂN VĨNH
15-6-1882 o 15-6-1999



1882 o 1936

CÁCH MẠNG ĐỔI MỚI
1906 o 1936

1001 NGUYỄN VĂN VĨNH
BÀI BÁO
"L'ANNAM NOUVEAU"
1931-1936 TẬP 2



THƠ CỦA ÔNG PHAN CHÂU TRINH
GỬI TOÀN QUYỀN ĐỒNG DƯƠNG

1906

CÁCH MẠNG ĐỔI MỚI



15 NĂM CUỐI CÙNG CỦA THẾ KỶ XX

Đề tưởng nhớ

Ông Phan Châu Trinh

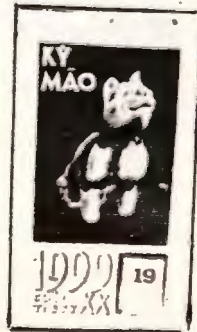


*Phan Châu Trinh và con trai là Phan Châu Dật
(ảnh Lưu trữ Hải ngoại Pháp)*

NGƯỜI ĐỀ XƯƠNG CÁCH MẠNG ĐỔI MỚI
ĐẦU THẾ KỶ XX

MỤC LỤC

	Trang
- Cách mạng đổi mới 1906 - 1936	8 ÷ 14
- Thơ của Phan Châu Trinh	
Gửi toàn quyền Đông Dương 1906	
Bản dịch Pháp văn	15 ÷ 35
- Thơ của Phan Châu Trinh	
Gửi toàn quyền đông dương 1906	
Bản Dịch Việt văn	37 ÷ 51
- Thơ của Phan Châu Trinh	
Gửi ông Nguyễn Ái Quốc	
Mác xây 1922	53 ÷ 64
- Ký ức của ông Lê Thanh Cảnh	
Về cuộc gặp gỡ ở Pari 1922	
Giữa các ông Phan Chu Trinh và Nguyễn Ái Quốc	65 ÷ 72



KỶ NIỆM 73 NĂM NGÀY GIỖ

Ông Phan Châu Trinh

24 - 3 - 1926 - 24 - 3 - 1999

Để kỷ niệm ngày giỗ Ông Phan Châu Trinh lần thứ 73, 24/3/1999, đồng thời là ngày giỗ lần thứ 63 ông Nguyễn Văn Vĩnh (1/5/1936 + 1/5/1999).

Chúng tôi nhận thấy cách tốt nhất là in lại những tài liệu về Cuộc "Cách mạng đổi mới" đầu thế kỷ XX.

1. Thơ của ông Phan Châu Trinh gửi cho toàn quyền Đông Dương năm 1906, được in riêng thành một quyển.
2. Bài Di Cảo của ông Phan Châu Trinh do ông Nguyễn Đình Thảng sưu tầm và viết, đăng trong tạp chí "Xưa và Nay" số tháng V-1998.
3. Bài Tưởng nhớ ông Phan Châu Trinh của ông Nguyễn Văn Vĩnh viết, đăng trong báo "L'Annam Nouveau" số 223 ngày 23/3/1933.
4. "Nói thẳng" (Parlons franc) ông Nguyễn Văn Vĩnh viết bằng Pháp văn, đăng trong báo "L'Annam Nouveau" từ số 160 đến 167 năm 1932. Tổng kết đường lối cách mạng đổi mới năm 1932.

Bài Việt văn do Nguyễn Kỳ dịch được in riêng thành một quyển. Bản Pháp văn được in riêng để tiện việc đối chiếu, trong đó ở ngoài lề của các trang đều có ghi số trang của quyển Việt văn.

Mong rằng những tài liệu này giúp ích được các bạn yêu lịch sử đầu thế kỷ XX có thêm tài liệu chính xác để tham khảo.

Hà Đông, ngày 1 tháng 5 năm 1999

CÁC CON, CHÁU VÀ CHẤT
ÔNG NGUYỄN VĂN VĨNH

A LA MÉMOIRE DE PHAN CHU TRINH

C'était vendredi dernier l'anniversaire de la mort de notre célèbre patriote Phan chu Trinh.

En Cochinchine, à Tan Son Nhut où se trouve sa demeure éternelle et à Dakao où une maison de culte lui est dédiée, nos nombreux compatriotes ont été commémorer dignement le souvenir de celui dont le nom est désormais attaché à l'œuvre de révolution pacifique entreprise par les esprits clairvoyants en ce pays.

Rappelons en quelques lignes la vie toute de privations et de souffrances de ce patriote digne d'exemple et de vénération.

Dès 1906, exactement le 15 août, Phan chu Trinh adressa au Gouverneur Général de l'Indochine un résolvant mémoire rédigé en caractères chinois. Ce fut une éloquente philippique contre les mandarins incapables et véreux qui vouaient alors à Phan chu Trinh une haine mortelle.

Au lendemain de la révolte dite des « cheveux coupés », mouvement de protestation pacifique contre les impôts excessifs, Phan chu Trinh fut arrêté, condamné à mort par la Cour de Hué, puis gracié à la suite de l'intervention de la Ligue des droits de l'Homme, et enfin déporté à Boulo Condore.

Trois ans après, Phan chu Trinh quitta le bagne grâce aux généreuses démarches des notabilités françaises. Il resta quelque temps à Mylho puis accompagna le gouverneur général Klobukowski en France.

Au cours de ses longues années à Paris, pas un instant il ne quitta l'Annam de sa pensée. Il se consacrait à des travaux littéraires et à des

ĐỀ TUỞNG NHỚ ÔNG PHAN CHU TRINH

Thứ sáu vừa qua là ngày giỗ của người yêu nước của chúng ta là ông Phan Chu Trinh

Trong miền Nam ở Tân Sơn Nhất có ngôi mộ của ông và ở Đa Cao có ngôi nhà thờ dành cho ông, đồng đảo đồng bào chúng ta nghiêm trang làm giỗ ông để tưởng nhớ đến một người mà tên tuổi mãi mãi gắn liền với sự nghiệp cách mạng hoà bình, đã được người có đầu óc sáng suốt của đất nước ta tiến hành.

Tóm tắt bằng một **ng**, chúng ta hãy nhớ lại cả một cuộc đời đầy thiếu thốn và đầy đau khổ của một người yêu nước xứng đáng được tôn trọng và được lấy làm gương mẫu này.

Ngày từ năm 1906, đúng vào ngày 15 tháng 8 ông Phan Chu Trinh đã viết cho viên toàn quyền Đông dương một bức thư viết bằng chữ nho. Đây chính là một bản án hùng hồn chống lại bọn quan lại bất lực và ăn hại, họ đã mang một mối thù không đội trời chung với ông Phan Chu Trinh.

Ngày hôm sau cuộc nổi loạn được gọi tên là "cắt tóc" phong trào đấu tranh hoà bình chống sưu thuế khắc nghiệt, Ông Phan Chu Trinh bị bắt và bị triều đình Huế kết án tử hình, sau được tha bổng là nhờ có sự can thiệp của hội nhân quyền, và cuối cùng ông bị đày ra Côn Đảo.

Ba năm sau, Ông Phan Chu Trinh được tha tù là nhờ có sự vận động hào hiệp của những nhân sỹ người Pháp. Ông đã trở lại một thời gian ở Mỹ Tho, và sau đó đã đi cùng viên toàn quyền Klobukowski sang Pháp

Trong suốt nhiều năm kéo dài ông sống ở Paris. Không một lúc nào ông rời bỏ nước Nam ra khỏi ý nghĩ của mình. Ông đã giành thời gian để viết những áng văn chương nổi tiếng, tham gia những câu lạc bộ chính trị, và diễn thuyết tại các hội bác học. Sống một cuộc đời thật sự như một nhà tu hành, và đã có lúc làm thợ ảnh, Ông Phan chu Trinh không thể nào theo đuổi lâu dài một cuộc đời yên tĩnh và ẩn dật. Ông lại được làm quen với nhà tù "Cherche midi" (đi tìm giữa trưa).

Được thả ra, ông Phan Chu Trinh trở về Miền Nam, và ở đó ông đã qua đời ngày 24 tháng 3 năm 1926, ở giữa những sự tôn thờ và kính phục của tất cả đồng bào của ông.

fréquentant les cercles politiques et en donnant des conférences aux sociétés savantes. Menant une véritable vie d'ascète, en se faisant même ouvrier photographe, Phan chu Trinh ne pouvait pas cependant poursuivre longtemps une existence tranquille et retirée. Il fit de nouveau la connaissance de la prison du Cherche Midi.

Relâché, Phan chu Trinh rentra en Cochinchine où il s'éteignit le 24 mars 1926, au milieu de l'adoration et de la vénération de tous ses compatriotes.

On peut dire que Phan-Chu-Trinh était l'apôtre de la collaboration franco-annamite. n'a-t-il pas dit : Pour vivre et nous développer en Asie, nous avons besoin d'une force matérielle que seule la France pourra nous donner; la France de son côté, pour maintenir son prestige en Extrême-Orient a besoin de notre collaboration. Unis, nous pouvons tout, séparés nous ne pouvons rien !

Connaissant les bassesses et les vanités des mandarins de l'époque, Phan-Chu-Trinh eut sans haine contre la France qui avait conquis son cœur en lui accordant sa généreuse hospitalité.

Phan-Chu-Trinh est mort.

Ses idées restent.

Pour honorer sa mémoire nous avons estimé comme notre confrère la Tribune Indochinoise, en Cochinchine, qu'on ne saurait faire mieux que de publier la traduction de la lettre précitée, écrite en 1906 par Phan-Chu-Trinh au chef de la colonie et dont la plupart des suggestions restent d'une brûlante actualité.

L'ANNAM NOUVEAU

23 mars 1933

Người ta có thể nói : Ông Phan Chu Trinh là người tôn sùng chủ nghĩa hợp tác Pháp - Việt. Ông vẫn thường nói : Để sống và phát triển ở Á châu này, chúng ta cần phải có một sức mạnh vật chất, mà chỉ có một mình nước Pháp có thể cấp cho chúng ta được ; còn về phía mình nước Pháp muốn giữ được uy tín của mình ở Đông nam Á lại cần có sự cộng tác của chúng ta. Đoàn kết, chúng ta có thể làm được tất cả, chia rẽ chúng ta không thể làm gì được cả !

Biết rõ sự thấp hèn và những hận thù của bọn quan lại thời bấy giờ, ông Phan Chu Trinh không có thù hằn gì với nước Pháp, nước đã chiếm được trái tim của ông vì đã chấp nhận một cách hào hiệp sự cư trú của ông.

Ông Phan Chu Trinh đã qua đời

Nhưng tư tưởng của ông vẫn còn mãi.

Để trân trọng những kỷ niệm của ông, chúng tôi cũng như những đồng nghiệp của chúng tôi là báo "La tribune Indochinoise" (diễn đàn Đông Dương) ở trong Nam, cho là người ta không có cách nào làm tốt hơn là đăng lên bản dịch của bức thư đã nói ở trên, được viết vào năm 1906, của ông Phan Chu Trinh gửi cho toàn quyền Đông Dương, mà phần lớn những kiến nghị vẫn còn giữ nguyên tính chất thời sự nóng bỏng.

L'ANNAM NOUVEAU

23 - 3 - 1933



Lễ truy điệu Phan Chu Trinh.

CÁCH MẠNG ĐỔI MỚI

1906 - 1936

1906. Cuộc cách mạng đổi mới do ông Phan Chu Trinh khởi xướng bằng bức thư gửi Toàn quyền Đông dương năm 1906 (Xem cách mạng đổi mới tập I).

Ông Vinh lúc này làm thông phán toà đốc lý Hà Nội sau khi dịch bức thư này ra tiếng Pháp để gửi Toàn quyền Đông dương, ông được cử đi dự Đấu xảo thuộc địa Marseille ở Pháp. Ông đã tận dụng 6 tháng ở Pháp để tìm hiểu về cuộc cách mạng văn hoá và cách mạng đổi mới của Pháp. Trở về Hà Nội cuối năm 1906 ông xin từ chức thông phán toà đốc lý Hà Nội và bắt đầu làm nghề tự do, cùng với một người Pháp làm nhà in "Dufour - Nguyễn Văn Vĩnh" ở phố Tràng Tiền Hà Nội và làm chủ bút tờ báo Đăng cổ tùng báo.

1907. "Đông Kinh nghĩa thực" được thành lập là trường học đầu tiên để thực hiện "Cách mạng đổi mới".

Ông Nguyễn Văn Vĩnh là một trong những sáng lập viên là người viết đơn bằng tiếng Pháp để xin thành lập trường và là giảng viên dạy Pháp văn và Quốc ngữ của Đông kinh nghĩa thực.

"Đăng cổ tùng báo" trở thành cơ quan ngôn luận để thực hiện cách mạng đổi mới, ông Vinh viết hầu hết các bài của báo, từ các bài xã luận đến các bản tin.

Đông kinh nghĩa thực chia làm hai xu hướng:

1. Các cụ nho học chiếm đa số do cụ cử Lương Văn Can làm đại diện chủ trương lợi dụng chỗ yếu và sơ hở của Chính phủ thuộc địa để tập hợp lực lượng làm cách mạng bạo động.

2. Nhóm trẻ tây học, lúc đó chỉ có rất ít, do ông Vinh làm đại diện chủ trương theo đúng đường lối của ông Phan Chu Trinh: "Khai dân trí, Chấn chí khí, Hậu dân sinh" tạo điều kiện thuận lợi cho tương lai của đất nước.

1908. Thực dân Pháp thấy được ý định tập hợp lực lượng làm bạo động nên giải tán trường Đông kinh, đình bản Đăng cổ tùng báo và khủng bố Đông kinh nghĩa thực. Đa số các cụ nho học đều bị kết án tù đầy, một số ít thanh niên tây học chỉ bị bắt giam xét xử rồi được trả lại tự do

1908-1910 Ông Vinh được trả lại tự do tiếp tục làm nhà in, xuất bản sách Tam quốc chí và Kim văn Kiều để truyền bá quốc ngữ. Báo chữ Quốc ngữ bị cấm

ông ra báo tiếng Pháp "Notre journal" sau đổi thành "Notre revue" để trình bày rõ đường lối cách mạng đổi mới, tranh thủ sự đồng tình của những người Pháp tiến bộ.

1911-1912 F.H.Schneider được xuất bản báo "Lục tỉnh tân văn" ở Nam kỳ mời ông Vinh vào làm chủ bút, ông lại tiếp tục làm cách mạng văn hoá chữ Quốc ngữ ở Nam kỳ tức là mở rộng ra trong cả nước.

1913-1917 F.H Schneider được xuất bản báo Đông dương tạp chí "ở Hà Nội ông Vinh lại được mời ra Bắc làm chủ bút báo Đông dương tạp chí, đây là một bước ngoặt quyết định cho cuộc cách mạng văn hoá chữ quốc ngữ thành công trong cả nước. Từ 1913-1915 Đông dương tạp chí ra hàng tuần và 1915-1917 Đông dương tạp chí được tách ra thành Báo Trung Bắc tân văn báo ngôn luận và tin tức mỗi tuần ra ba số còn Đông dương tạp chí trở thành tạp chí văn chương và học tập văn hoá.

1918 F.H Schneider 61 tuổi trở về Pháp nghỉ hưu trí nhưng lại toàn bộ tài sản của mình ở Bắc kỳ cho ông Vinh bao gồm cả nhà in TBTV và hai tờ báo Trung Bắc tân văn và Đông dương tạp chí. Báo Trung Bắc tân văn đã trở thành tờ báo ra hàng ngày bằng chữ Quốc ngữ đầu tiên ở nước ta.

Đông dương tạp chí đổi thành "Học báo" báo hướng dẫn chương trình giáo dục phổ thông để nâng cao dân trí. 1918 ông Vinh dịch những hài kịch của Molière tổ chức diễn kịch trên sân khấu nhà hát lớn Hà Nội. Chữ Quốc ngữ trở thành ngôn ngữ viết của dân tộc ta và đã thay thế được hoàn toàn chữ nho, các trường thi nho học được bãi bỏ, đánh dấu sự thành công của cách mạng văn hoá chữ Quốc ngữ.

1919-1922 ông Vinh từ hai bàn tay trắng đã trở thành chủ một nhà in lớn, chủ nhiệm hai tờ báo lớn: Tờ báo hàng ngày Trung Bắc tân văn và tờ Học báo, chủ nhiệm hai nhà xuất bản Trung Bắc tân văn và Âu tây tư tưởng. Đây là những vũ khí ông đã tự tạo ra được bằng sức lao động và đầu óc thông minh của mình để làm cuộc cách mạng văn hoá và cách mạng đổi mới.

Ông Vinh khác với những ông chủ khác ở chỗ ông là người lao động chính trong nhà in, ông viết sách viết báo để tạo ra việc làm nuôi sống cả nhà in.

Ông Vinh không có vốn nên phải tổ chức ra Công ty nhà in Vinh Phúc Thành " Nguyễn Văn Vĩnh, Lê Văn Phúc và Bùi Xuân Thành

1922 - Ông Nguyễn Văn Vĩnh cùng hai ông Phạm Quỳnh và Phạm Duy Tốn được cử làm đại diện các nhà văn nhà báo ở Bắc Kỳ đi dự đấu xảo thuộc địa ở Marseille.

Đầu năm 1922 ông Phan Chu Trinh rời Paris đi Marseilles lấy cớ là đi tham gia làm đấu xảo thuộc địa để gặp gỡ đồng bào ta ở trong nước sang Pháp làm đấu xảo. Năm được tình hình cách mạng ở trong nước ông viết bức thư gửi ông Nguyễn Ái Quốc (28/2/1922) và hết đấu xảo ông giao cho ông Lê Thanh Cảnh tổ chức cuộc gặp gỡ ở Paris giữa các ông Phan Chu Trinh, Nguyễn Ái Quốc, Cao Văn Sến, Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Quỳnh để trao đổi về tình hình cách mạng ở trong nước và ở ngoài nước, lấy cớ là để ăn mừng những đại biểu đi dự đấu xảo được thưởng huân chương vàng để che mắt bọn mật thám Pháp.

Xong việc dự đấu xảo ông Vĩnh ở lại Pháp để tranh thủ đi tham quan Berlin thủ đô nước Đức, quê hương của Gutenberg người sáng chế ra nhà in và là cái nôi của cách mạng kỹ thuật và văn hoá.

1922-1930 đi tham quan Berlin về, ông Vĩnh chủ trương cải tiến và đổi mới nhà in Trung Bắc tân văn ông mời kỹ sư nhà in Đỗ Văn tốt nghiệp ở Pháp về cùng cộng tác.

1925 Ông Lê Văn Phúc tách ra khỏi Công ty để làm nhà in "Tonkinois" in báo Nam Phong cho ông Phạm Quỳnh

Công ty nhà in trở thành Công ty Vĩnh-Thành

1928 Ông Bùi Xuân Thành tách ra làm nhà in Ngọ báo, Ông Vĩnh còn lại một mình làm nhà in Trung Bắc Tân Văn - Lúc đó kinh tế còn đang phồn thịnh ông Vĩnh thế chấp toàn bộ nhà in và tài sản của mình để vay tiền Ngân hàng Đông dương để cải tiến và đổi mới nhà in Trung Bắc Tân Văn.

1930 Tình hình chính trị thay đổi: Đảng Cộng sản Đông dương ra đời. Tình hình kinh tế Đông dương lâm vào khủng hoảng trầm trọng. Ông Vĩnh đang tiến hành đổi mới công nghệ nhà in bị đình đốn, sách báo không bán được. Ngân hàng Đông dương và Chính phủ thuộc địa lợi dụng tình hình làm áp lực kinh tế để buộc ông Vĩnh phải theo chúng rồi bỏ con đường cách mạng đổi mới và vào làm quan trong Triều đình Huế.

Ông Vĩnh không chịu đầu hàng, Ngân hàng Đông dương trở mặt và đòi trả nợ ngay. Ông Vĩnh không trả được nợ bị chúng tịch thu nhà in đem bán đấu giá và cản trở ông viết báo chữ Quốc ngữ. ông gần như bị chặt tay

1931-1936 ông Vĩnh đã không chịu đầu hàng và không chịu bó tay. Lúc này hàng ngũ trí thức mới đã đông đảo hơn, chính phủ thuộc địa cấm thành lập các Đảng chính trị, ông đã tổ chức hội buôn bán góp cổ phần in báo tiếng Pháp "L' Annam Nouveau" (Nước Nam mới) vì Luật của nước Cộng hoà Pháp báo chí được tự do, không phải xin phép không phải kiểm duyệt, Hà Nội và Hải Phòng là thuộc địa nên được tự do báo chí như ở Nam Kỳ - Ông Vĩnh là người An nam đầu tiên ở Bắc Kỳ tận dụng được quyền này để làm báo : " L' Annam nouveau"

Trong suốt 5 năm, Ông Vĩnh đã dùng tờ báo để tổng kết đường lối cách mạng đổi mới : Ông đã viết hàng ngàn bài xã luận, nhiều bài phóng sự điều tra về sự khổ cực của nhân dân ta, nhiều bài nghiên cứu về phong tục tập quán của nhân dân ta, và dịch lại một lần cuối, hoàn chỉnh hơn truyện Kim Vân Kiều ra Pháp văn,

Không năm nào bọn tài phiệt thuộc địa không dụ dỗ và đe dọa ông nếu không từ bỏ báo "Nước Nam mới" vào Huế làm quan, chúng sẽ tịch thu hết tài sản và sẽ làm cho không sống được nữa.

1931 chúng tổ chức các quan lại chống lại báo "Nước Nam Mới" nhưng không có kết quả

1932 ông Vĩnh được cử làm đại diện giới báo chí ở Bắc kỳ đi Pháp dự đấu xảo thuộc địa ở Paris chúng đã gây áp lực kinh tế làm cho ông không đi dự được.

1933 Vua Bảo Đại trở về nước, ông Phạm Quỳnh vào Huế làm thượng thư, chúng cử ông Quỳnh ra Bắc mời ông Vĩnh vào thăm Triều đình Huế, dụ dỗ ông bỏ báo Nước Nam mới vào làm thượng thư trong triều đình Huế. Vua Bảo Đại đã tiếp ông, trở về Hà Nội ông đã viết bài phóng sự " Từ Triều đình Huế trở về" để vạch trần những bất lực của vua quan ở Huế.

1934 Chúng dọa tịch thu hết tài sản của ông và một lần cuối đặt ra cho ông ba điều kiện:

1. Từ bỏ báo Nước Nam mới tức là từ bỏ đường lối cách mạng đổi mới vào làm thượng thư trong Triều đình Huế, chúng sẽ trả lại cho tất cả tài sản kể cả nhà in, nhà báo và nhà xuất bản. Nếu từ chối thì chúng sẽ tịch thu hết tài sản và sẽ đưa ra toà án xử về tội lừa đảo vô nợ.

2. Hoặc là bị tù giam tại nhà pha hoá lò Hà Nội.

3. Hoặc là phải đi biệt xứ sang Lào với danh nghĩa là đi tìm vàng để trả nợ.

Chúng dự đoán được trước ông sẽ phải nhận điều kiện thứ ba tức là biệt xứ sang Lào để giữ danh dự cho gia đình.

1935 Ông Vinh đã không đầu hàng chúng đưa ra toà xét xử và tịch thu hết tài sản, đuổi cả gia đình ra khỏi nhà, buộc ông phải từ bỏ Báo Nước nam mới và tổ chức sẵn cho Clémenti đưa ông sang Lào để đi tìm vàng trả nợ.

1936 cuối tháng 3 năm 1936 Clémenti đưa ông sang Lào để đi tìm vàng, nhưng thực tế ông đi sang Lào để viết bài phóng sự cuối cùng "Một tháng với những người đi tìm vàng"

Một mình ông với Clémenti đi lên thượng lưu sông Nam Kốc tức là đúng nơi chiến khu cũ của Vua Hàm Nghi, là đầu đường mòn Hồ Chí Minh ngày nay

1/5/1936 ông chết một mình trên một chiếc thuyền độc mộc trên sông Sê Bang Hiên, tại làm sao ông chết và chết lúc nào không ai biết. Bài phóng sự cuối cùng ông vẫn còn đang viết dở dang.

*

* *

NHỮNG TRÙNG HỢP TRONG CUỘC ĐỜI ÔNG NGUYỄN VĂN VINH VỚI NHỮNG SỰ KIỆN LỊCH SỬ CỦA ĐẤT NƯỚC VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN ÔNG ĐÃ GẶP.

1° Ông Nguyễn Văn Vinh sinh ngày 15/6/1882 tại 46 Phố hàng Giấy Hà Nội, tức là vào đúng thời điểm và ngay tại chỗ Henri Rivière hạ thành Cửa Bắc (24/4/1882); Tổng đốc Hoàng Diệu tử tiết, tức là vào đúng lúc thực dân Pháp đã chiếm được cả nước ta.

2° Ông trưởng thành (18 tuổi) và xây dựng gia đình vào đúng năm 1900 tức là đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp đã tạm bình định được trên cả nước ta.

3° 1918. Bắt đầu từ hai bàn tay trắng, sau 10 năm lao động sáng tạo và quên mình ông Nguyễn Văn Vinh đã trở thành chủ nhà in và nhà báo Trung bắc tân văn đứng vào lúc kết thúc chiến tranh thế giới lần thứ nhất.

4° 1930. Ông Nguyễn Văn Vinh bị tịch thu và bán đấu giá nhà in Trung bắc tân văn vào đúng năm Đảng Cộng sản Việt nam ra đời.

5° 1/5/1936 ông Nguyễn Văn Vinh từ trần, ông chết một mình trên một chiếc thuyền độc mộc, bóng bệnh trên dòng sông Sê băng hiên giữa rừng sâu bên Lào trong đêm tối giữa một cơn giông tố, đúng vào ngày Đảng cộng sản Việt Nam ra công khai tổ chức biểu tình ở Hội chợ Hà Nội (Cung văn hoá Việt Xô bây giờ).

6° Ông Phan Chu Trinh sinh năm 1872, chết năm 1926. Ông Nguyễn Văn Vinh sinh năm 1882, chết năm 1936. Ông Phan hơn ông Nguyễn 10 tuổi nhưng hai ông đều thọ 54 tuổi.

7° Ông Nguyễn Văn Vinh là người Việt Nam đầu tiên tiếp thu được bằng tự học văn hoá tiên tiến Âu châu và là một chiến sĩ cách mạng đổi mới trung thành nhất và đã đóng góp nhiều nhất vào việc thực hiện đường lối cách mạng đổi mới của ông Phan Chu Trinh là "Khai dân trí, Chấn chí khí, Hậu dân sinh".

8° Ông Nguyễn Văn Vinh gặp vô vàn khó khăn trong khi làm cách mạng đổi mới:

a) Đông kinh nghĩa thực là tổ chức cách mạng đầu tiên đoàn kết cả hai giới trí thức: nho học và tây học nhưng trong đó giới trí thức nho học là thống soái nắm quyền lãnh đạo nhân dân, lại đang trong tình trạng suy thoái và tan rã. Giới trí thức tây học chỉ mới hình thành còn non trẻ, là tương lai của cách mạng nhưng lại bị thành kiến và khinh rẻ.

b) Đường lối của cách mạng đổi mới là Hoà bình công khai hợp tác với Nước Cộng hoà Pháp tiến bộ và chống lại chế độ thuộc địa Pháp lạc hậu, đòi hỏi nước Cộng hoà Pháp phải thực hiện nhiệm vụ Bảo hộ của mình là khai hoá văn minh cho nước ta. Nhưng mọi người chỉ hiểu là hợp tác với Pháp.

c) Những công lao và kết quả của cách mạng đổi mới ở đầu thế kỷ XX (1907 - 1936) đã đóng góp vào thành công của cách mạng giải phóng dân tộc:

- Đã hoàn thành cuộc cách mạng văn hoá Chữ Quốc ngữ, bỏ chữ Nho và làm cho chữ Quốc Ngữ trở thành ngôn ngữ viết của dân tộc ta.

- Đã vận động cuộc sống mới, cất bụi tó, mặc âu phục tạo ra hình thức của một dân tộc văn minh.

- Hướng dẫn xây dựng nhà gạch và ăn ở văn minh vvv..

Nhân dân thực hiện cách mạng đổi mới như hơi thở hàng ngày làm thay đổi xã hội : Dân trí được nâng cao lên một bước, chí khí tự hào dân tộc được giữ vững, tạo điều kiện thuận lợi cho các cuộc cách mạng tiếp theo sau.

9° Thực dân Pháp rất xảo quyết chúng luôn tìm cách đánh lạc hướng để xoá nhoà những thành quả của cách mạng đổi mới:

a) 1917 Sau khi Nhóm Đông dương tạp chí đã hoàn thành cuộc cách mạng văn hoá, chữ quốc ngữ đã trở thành ngôn ngữ viết của dân tộc ta, chúng vợ và cho ra tạp chí "Nam Phong" trong đó Martyr làm chủ nhiệm, ông Phạm Quỳnh là chủ bút phần quốc ngữ và ông Nguyễn Bá Trác làm chủ bút phần chữ nho, và cho đó là cách mạng văn chương chữ Quốc ngữ,

b) 1930 Ông Vĩnh bị tịch thu bán đấu giá nhà in Trung Bắc làm văn

- 1933 Ông Phạm Quỳnh từ bỏ báo Nam Phong vào làm quan trong Triều đình Huế.

- 1936 Ông Vĩnh bị chúng tịch thu hết gia sản và đẩy ả sang bên Lào và chết ở bên đó.

Cũng trong đầu thập kỷ 30 này chúng dựng bia Alexandre de Rhodes tôn lên làm thủy tổ chữ Quốc ngữ và tổ chức Hội truyền bá chữ Quốc ngữ.

c) Sau khi ông Nguyễn Văn Vĩnh đã bị chúng giết chết ở bên Lào, chúng đưa xác ông về Hà Nội tổ chức đám tang rất long trọng. Và vợ và ngay sau đó giao cho con ông Vĩnh là ông Nguyễn Giang tái bản Đông dương tạp chí và Âu tây tư tưởng để che lấp tội ác của chúng.

Kết quả là tới nay mới chỉ là cuối thế kỷ XX không còn ai biết lịch sử đầu thế kỷ XX, không còn ai biết Đông kinh nghĩa thực là gì, Cách mạng đổi mới ra sao, Hịch Cần vương kết thúc như thế nào, tại sao chữ Quốc ngữ trở thành ngôn ngữ viết của dân tộc ta v.v... và v.v...

Hà Đông, ngày 1 tháng 5 năm 1999

CÁC CON, CHÁU VÀ CHẤT
ÔNG NGUYỄN VĂN VĨNH

BAO "L'ANNAM NOUVEAU" SỔ 223 26-3-1933
SỔ 224 30-3-1933
SỔ 225 2-4-1933

**LETTRE DE PHAN CHU TRINH
AU GOUVERNEUR GÉNÉRAL EN 1906**

Je viens vers vous, moi, Phan-Châu-Trinh; ancien mandarin, pour vous exposer la situation très critique du pays d'Annam.

Depuis que l'Annam est placé sous leur protectorat, les Français y ont établi des routes, des ponts, des lignes de navigation, des chemins de fer, des postes et télégraphes. Personne ne contestera le bienfait manifesté de ces transformations; mais ils n'ont apporté aucune attention ni aux abus de l'administration, ni aux progrès rapides de la misère et de la décadence morale du peuple; et c'est là précisément ce qu'on peut leur reprocher; ils ont fermé les yeux sur ces maux qui minent notre nation et la font mourir. Ecoutez plutôt ce qui se passe, depuis bien longtemps déjà.

A la Cour, les hauts mandarins ne s'intéressent qu'aux vieilles futilités du passé. Dans les provinces, les fonctionnaires annamites étaient sans retenue leur cruauté. Ils ne vivent que pour flatter leurs chefs et pressurer leurs administrés. Les classes supérieures et moyennes de la société ont perdu toute dignité. La masse du peuple, que les exactions des autorités indigènes écrasent chaque jour davantage, vit dans une misère noire. Les affaires publiques ne vont plus. L'exode des populations rurales a commencé. Le niveau de la moralité baisse avec une rapidité effrayante. On ne respecte plus les coutumes des ancêtres ni les traditions nationales. Et ainsi notre pays, qui couvre plus de 400.000 lieues carrées et compte plus de 20.000.000 d'habitants, retombe peu à peu de la demi-civilisation, dans la barbarie complète.

Sans doute il ne manque point parmi nous d'hommes éclairés qui s'affligent au plus profond de leur cœur de la

ruine de leur patrie et qu'étreint d'angoisse le spectacle de la disparition de leur race. Mais ceux eux d'entre eux qui ont le plus d'audace vont chercher un refuge au delà des mers et c'est loin de leur pays, dans l'exil, qu'ils versent leurs larmes.

Quant aux autres ils se terrèrent dans leur coin de village et ne soufflent mot. Personne n'ose s'adresser aux fonctionnaires français pour dénoncer, sans réticence, les iniquités du mandarinat indigène et pour crier bien haut la misère du peuple; de sorte que dans une certaine mesure, ce sont les classes supérieures de la société annamite qui sont responsables à la fois de l'ignorance où le Protectorat se trouve depuis longtemps de la conduite véritable des mandarins, et de la situation lamentable de ce pays aujourd'hui irrémédiablement perdu. Et ce qui aggrave le mal, c'est que les Annamites, bien à tort d'ailleurs, se persuadent que le Protectorat ne songe qu'à les écraser sous sa botte.

Voici plusieurs années déjà que je ne suis plus mandarin: j'ai parcouru le pays dans tous les sens; mes oreilles ont entendu ce que pense le peuple, et j'ai vu de mes yeux, traire, que dans ce monde où la force est souveraine, c'est l'union étroite des concitoyens qui, seule, peut assurer leur triomphe? Et de son côté, le gouvernement français ne doit-il pas rechercher ce qui a conduit ce peuple si longtemps protégé et couvé par lui à la fois à une telle déchéance et à un aussi fol espoir?

A mon avis, la première de ces causes de désorganisation et de ruine s'explique par la trop grande liberté que le Protectorat a laissée aux mandarins indigènes.

D'ordinaire, qui dit protectorat dit surtout contrôle permanent des autorités du pays protégé par quelques hauts fonctionnaires du pays protecteur; mais dans nos provinces, malgré la présence d'administrateurs français auprès des autorités indigènes, ce sont celles-ci qui, en fait, dirigent toute l'administration locale; de sorte qu'en définitive, c'est de leur talent ou de leur bon plaisir que

dépend la prospérité du pays.

Depuis 40 ans, la décadence de l'Annam se précipite. L'engourdissement est général. On ne respecte ni traditions, ni lois. Le niveau intellectuel baisse. Partout, chez les hauts mandarins comme chez les fonctionnaires subalternes chez les lettrés comme chez les notables et, jusque dans les moindres villages, chez ceux qui détiennent la plus infime parcelle de pouvoir ce sont les mêmes intrigues en vue de l'avancement, les mêmes flatteries, la même corruption. Tous assiègent perpétuellement la porte de leurs supérieurs la bouche ouverte et la main tendue.

Au-dessous, la masse énorme du peuple ne songe qu'à boire, manger et jouer. Avachis au fond de leur village, agriculteurs ou petits marchands vivent d'une vie toute bestiale. Toutefois, ici encore, ce sont les rusés qui triomphent au milieu de cette multitude grouillante impuissante de vers qui rampent. Les exactions peuvent se multiplier et les coups de rotin pleuvoir: aucune révolte n'est à craindre. C'est une veulerie générale. Voilà la véritable situation, et je n'exagère rien.

Quand une nation est à ce point déchue, la seule politique qui lui convienne; c'est de lui donner d'abord des lois justes, et sévères pour y assurer l'ordre et la paix et de l'initier peu à peu à la civilisation.

Depuis leur arrivée ici, les Français connaissent cette situation. Ils savent qu'il est impossible de changer du jour au lendemain les moeurs des indigènes et, en particulier, de faire appel, en ce qui concerne l'administration supérieure, à la collaboration des Annamites. Ils n'en ont pas moins maintenu les mandarins provinciaux, en les réduisant, il est vrai, au rôle de simples agents d'exécution. Quand aux questions qui intéressent la vie même de la nation, ils les ont totalement négligées, se contentant de dire qu'ils gouvernent l'Annam par les Annamites.

Sans-doute, de temps à autre, vous révoquez quelques

fonctionnaires indigènes, mais c'est souvent pour remplacer le mauvais par le pire. Bien plus, il arrive qu'un tel, révoqué aujourd'hui, recevra un avancement demain, ou que tel autre qui s'est rendu impossible à Y, sera simplement expédié à Z. Pourquoi s'étonner dès lors que ces individus n'aient plus aucune retenue? Ils savent qu'ils n'ont rien à craindre, que la bienveillance ou la négligence de leurs protecteurs leur assure l'impunité, et ils en arrivent même à considérer comme tout à fait naturelles et cette bienveillance et cette impunité, de sorte qu'ils laissent libre cours à leur sans-gêne, à leur corruption et à leur paresse. Ils considèrent que pour la sécurité de leur situation, ils se doivent à eux-mêmes de faire le silence de la misère du peuple.

Voyez-vous cet homme richement habillé et propriétaire de nombreux équipages? C'est, soyez en persuadé, quelque haut fonctionnaire de la Cour ou quelque mandarin provincial. Croyez bien d'ailleurs qu'il ne s'acquitte de ses fonctions que par routine et qu'il est tout au plus capable de recevoir et de transmettre des papiers officiels. Ne l'interrogez point sur la situation de son pays ou de sa province. Il serait obligé de vous avouer qu'il n'en a aucune idée. Il n'y a pas un préfet ou un sous-préfet qui soit bon, à autre chose qu'à percevoir l'impôt et à courber l'échine devant son supérieur Français. Il ignore tout des intérêts essentiels de sa préfecture ou de sa sous-préfecture. A tous les degrés de la hiérarchie, la corruption et les exactions sont érigées à la hauteur d'une tradition et même d'un devoir.

Non, nous avons beau dire que le niveau intellectuel et moral des Annamites n'a jamais été très élevé, il est hors de doute que, s'ils n'avaient jamais connu qu'un pareil régime, il y a longtemps qu'on ne parlerait d'eux qu'au passé. Auraient-ils jamais pu, avec un gouvernement aussi corrompu, défendre pendant plus de 1.000 ans leur existence au milieu des nations guerrières du Sud de l'Asie et rester jusqu'à notre siècle un peuple grand et

fort? Je doute qu'il y ait, sur toute la surface du globe, un seul protectorat, une seule colonie, qui eût survécu à un pareil régime.

On dit que la législation annamite est très imparfaite; mais, si imparfaite qu'elle puisse être, elle offrait certainement, dans l'arsenal de ses prescriptions, des règlements suffisants pour réprimer les scandales de l'administration des mandarins. Pourquoi n'avoir emprunté à cette législation que les plus barbares de ses dispositions? On n'a retenu que celles qui permettent de comprimer plus étroitement un peuple impuissant, alors que l'on a adouci la rigueur des lois pour les mandarins, qui, désormais à l'abri de toute inquiétude, se laissent aller à tous les excès.

En un mot, je le répète, c'est dans l'absence de tout contrôle du Protectorat sur les mandarins provinciaux qu'il faut chercher la première cause de la situation malheureuse de ce pays.

J'en trouve une seconde dans le mépris que les Français ont pour les Annamites. Depuis leur installation ici, Français ont en perpétuellement sous les yeux le spectacle lamenable de mandarins corrompus au milieu d'un peuple dégénéré, ignorant et grossier. Aussi, dès le début n'ont-ils témoigné que du mépris pour une nation qu'ils jugeaient incapable de se conduire elle-même. Et voilà comment partout, dans vos journaux, dans vos livres, dans vos dessins, dans vos conversations familières elles-mêmes, s'étaient dans toute son intensité ce profond mépris dont vous nous écrivez. A vos yeux, nous ne sommes que des sauvages, des porcs, des êtres incapables de distinguer le bien du mal, et que non seulement vous refusez de traiter en égaux, mais dont vous redoutez l'approche comme une souillure.

Combien de fois n'avez-vous pas accablé des pires humiliations tel ou tel de nos notables ou de nos lettrés dont le seul crime était d'avoir encouru, à tort ou à raison, la colère d'un de vos hauts fonctionnaires! Combien de

fois hélas! des ouvriers, des petits marchands indigènes, des paysans nus pour s'acquitter de leurs corvées, ont-ils été frappés, blessés et même tués par des Français! Et je ne crains pas d'être démenti.

Du nord au sud de l'Annam, on se transmet le récit des mauvais traitements que vous nous appliquez - Des rancunes et des haines s'amassent. Et tous en contenant leur indignation, les Annamites se répètent: "Les Français nous traitent comme des animaux sans intelligence". Le seul sentiment que vous ayez inspiré à ces populations ignorantes des campagnes, c'est la crainte; vous leur causez autant d'effroi que le tonnerre ou le diable. Elles vous fuient et redoutent toujours de ne pas pouvoir fuir assez loin.

Quelques-uns il est vrai, parmi ceux que vous employez, ont encore conservé quelque dignité. S'ils subissent sans murmure votre perpétuel manque d'égards. Ils n'en sont pas moins douloureusement affectés, et c'est un sentiment de dégoût qui leur emplit le cœur lorsque, dans le recueillement du soir, ils considèrent toute l'humiliation de leur état. Malheureusement pris en quelque sorte dans un engrenage, ils sont réduits à l'impuissance.

En tous cas, ne croyez pas que nous ayons perdu tout sentiment d'honneur ou de dignité et que nous prenions plaisir à nous vautrer dans l'opprobre ou même à recevoir des éclaboussures de honte. Malgré tout, ce sentiment de crainte est si général qu'actuellement aucun notable ou mandarin annamite ne rencontre un fonctionnaire français sans qu'un frisson de peur ne lui courbe l'échine et ne le pousse à toutes les bassesses pour gagner sa faveur ou éviter sa colère.

Quant aux paysans, aux petits fonctionnaires et aux notables des villages, dès qu'ils sortent de chez eux, ne fût-ce que de quelques pas, la seule vue d'un Français, quel qu'il soit, fonctionnaire, simple soldat ou négociant, les fait immédiatement filer d'une course rapide et la tête

basse, affolés d'avance par la peur de subir quelque humiliation ou même de recevoir des coups.

Etant donné cet antagonisme entre les représentants des deux races qui habitent ce pays, pourquoi donc s'étonner qu'il n'y ait que les quémandeurs l'emploi qui osent encore se présenter dans les bureaux de l'administration française? Vous n'y voyez très rarement un Annamite de bonne famille.

De temps en temps, le Résident d'une province peut entendre une plainte individuelle. Mais les doléances collectives de ses administrés mourants de misère ne parviennent jamais à ses oreilles.

Certes, je ne conteste point que les reproches de fourberie et d'indélicatesse qui pèsent sur le peuple annamite ne soient presque toujours fondés; mais sur les millions d'individus que compte notre nation, il n'y a peut être pas deux hommes, parmi tous ceux qui ont accès auprès de vous, qui soient au courant de la situation réelle du pays et en même temps capables de vous l'exposer. Aussi, plus nous demeurerons ensemble, plus nous deviendrons étrangers, j'en ai bien peur, les uns aux autres, et les barrières qui nous séparent ne s'abaisseront jamais.

Je viens de lire dans un numéro du Dai-Viêt-Tân-Bao qu'il y a aujourd'hui une vingtaine d'Annamites réfugiés au Japon. Il faut insister sur ce fait. Aucun de ces vingt hommes, en effet, n'ignorait la misère du pays, ni les obstacles qui empêchent les plaintes du peuple d'arriver jusqu'aux oreilles de l'autorité supérieure. De plus; aucun d'eux certainement n'habitait à plus de 100 lieues de la plus proche résidence, probablement même pas à plus de 30 à 40 kilomètres. Or, voilà des hommes dont, pendant plus dix siècles, les ancêtres n'ont pas quitté le province natal, et qui, aujourd'hui n'hésitent point à abandonner femme, enfants, parents, amis pour se réfugier au delà de océans lointains, dans un pays entièrement inconnu de leurs pères, et cela, à seule fin de pouvoir y donner libre cours à la douleur qui les oppressait. Ils ont mieux aimé

s'exiler que de s'adresser aux autorités françaises de leur voisinage pour leur exposer franchement leurs griefs.

Pouvez-vous expliquer ce fait presque invraisemblable de leur part autrement que par le mépris que vous affichez sans cesse pour nous et qui élargit davantage encore le fossé qui nous sépareit.

En troisième lieu, les mandarins ont tout fait pour accentuer l'isolement où se trouve la nation vis-à-vis des autorités françaises afin de pouvoir l'exploiter plus à leur aise.

J'ai déjà marqué quelle divergence de sentiments et d'intérêts sépare les Annamites des Français, j'ai signalé aussi l'impunité dont jouissent les mandarins indigènes. Je reste persuadé néanmoins que si ceux-ci n'avaient point élevé d'aussi puissantes barrières entre le peuple annamite et l'administration française, l'entente serait facile. Du jour où quelque haut fonctionnaire Français, ayant longtemps habité le pays, se rendrait compte de la situation, ou même du jour où le peuple, à bout de vexations, prendrait lui-même l'initiative d'ouvrir les yeux du Protectorat, une union plus étroite rapprocherait Européens et Annamites, toute équivoque cesserait et ce serait la fin du régime arbitraire des autorités indigènes; mais c'est là précisément ce dont les mandarins ne veulent à aucun prix; et c'est pourquoi tous leurs efforts tendant à creuser plus profondément que jamais le fossé qui isole leurs supérieurs de leurs administrés.

Ils savent très bien que les autorités françaises attachent surtout du prix à la rentrée de l'impôt. à l'exactitude des listes, des inscrits, à la recherche de tous les complots plus ou moins dangereux, ourdis dans les ténèbres, en un mot, à la marche régulière de la machine administrative. Aussi ne se préoccupent-ils pas d'autre chose; et du moment qu'ils ont obtenu les résultats qu'exige d'eux l'autorité française, les voilà les mains libres. Ils en profitent pour écorcher le peuple, lui sucer jusqu'à la dernière goutte de son sang et manger le der-

nier lambeau de graisse qui lui reste. Puis, désormais à l'abri de tout souci, chacun d'eux gouverne sa province, sa préfecture ou sa sous-préfecture, en se drapant dans le prestige que lui donne l'autorité française, pour inspirer au pauvre peuple une peur salutaire et contenir les classes supérieures.

Les paysans et les notables auraient-ils l'idée de s'unir pour protester? Les mandarins ont prévu le danger et, pour l'éviter, ont eu la suprême habileté d'inventer contre ces deux catégories d'adversaires les accusations qui présentent aux yeux des Français le plus de gravité: je veux dire celles de conspirer et de faire partie d'une société secrète. Et le malheur est que ces accusations mensongères, si dénuées de preuves soient-elles, trouvent un écho auprès des fonctionnaires Français. Combien de familles ce système de délation n'a-t-il ruinées! Même quand elles savent pertinemment que le mandarin annamite leur a menti, les autorités françaises ne lui en tiennent pas rigueur: c'est, disent-elles, un mandarin habile et zélé.

Et c'est ainsi que le peuple retourne de plus en plus à la bestialité, que les classes supérieures sont de plus en plus réduites au désespoir, tandis que le pouvoir et l'influence des mandarins grandissent encore.

Tout est pour eux matière à exactions; contestations entre particuliers, procès criminels, contrats privés, il n'est aucun acte de la vie des gens du peuple dont ils ne tirent quelque profit. Mais il a pis encore. Que le gouvernement décide par exemple une enquête officielle sur le nombre des écoles, la quantité des plants de mûriers, le chiffre des inscrits, ou bien qu'il organise des tournées d'inspection, de vaccination, toutes ces mesures, qui ne devraient avoir d'autre résultat que le bien du peuple, deviennent, grâce aux mandarins, autant de prétextes à exactions. "Voici, répètent-ils à leurs administrés, une excellente occasion d'obtenir la faveur des fonctionnaires Français. Prenez garde de ne pas montrer assez

d'empressement", et c'est alors une pluie de réquisitions et de contributions vexatoires. Aujourd'hui, il faut aller au-devant d'un fonctionnaire ou le raccompagner; demain, ce seront les formalités du début ou de la fin d'une enquête; après demain, ce sont les chefs de villages ou les chefs de cantons désireux d'offrir un cadeau à la valetaille du moindre fonctionnaire qui lèveront d'office de nouvelles taxes. Et les sarabandes s'amoncellent toujours.

Et voilà pourquoi, depuis déjà des années, toutes ces mesures, si bonnes en principe, loin d'être profitables au paysan, lui sont devenues en fardeau odieux et insupportable.

Le dernier des mandarins conserve toujours pour la moindre affaire, si insignifiante soit-elle, un papier authentique, ou non d'ailleurs, qu'il dit tenir du Protectorat. Pour lui, ce papier a plus de prix que le joyau le plus précieux, car il est pour lui à la fois un bouclier qui couvre sa responsabilité et une baguette magique qui fait tomber dans son escarcelle des piastres sonnantes.

Et ce n'est pas tout encore. Alléchées par la perspective de réaliser les mêmes profits, les petites autorités des villages et toute la bande des chefs de canton veulent aussi à tout pris tremper leur museau dans la graisse de la curée. Une fois possesseurs d'un petit magot acquis par d'aussi malhonnêtes moyens, ces individus n'ont de cesse qu'ils ne se soient rendus au chef lieu de leur province pour y acquérir une petite charge. Même s'ils ne peuvent ramasser que quelques miettes du festin, ils se contentent de ces reliefs qui suffisent pour quelque temps du moins à leur donner un poil lustré.

Ce que doivent être les souffrances du peuple sous un pareil régime, on le devine sans peine, mais ce peuple a encore tant de respect pour l'autorité qu'il n'ose porter plainte. S'il se trouve, de temps à autre, un notable ou un lettré au courant de tous ces abus, il se garde bien de les dénoncer, de crainte qu'on ne lui reproche de se mêler de

ce qui ne le regarde pas, et que son intervention jugée intempestive ne lui attire des ennuis ou des représailles.

Quant aux fonctionnaires annamites et aux chefs de provinces indigènes, ils ferment d'autant plus volontiers les yeux sur tous ces abus que ceux-ci sont pour eux une abondante source de profits illicites.

En pendant ce temps, les autorités françaises, sans rapports avec nous, sans intérêts communs qui les unissent à nous, ignorent tout de ce qui se passe. De là cet appauvrissement effroyablement rapide du peuple. Le poids des exactions écrase aussi bien riches que pauvres. Les routes sont couvertes de bandes d'affamés; ce ne sont partout que vols et brigandages, et les flots de haine montent comme une marée menaçante.

L'heure est très grave. Je sais bien qu'il se rencontre encore dans le pays un petit nombre de gens avisés qui se font, les avocats ardents des études modernes, réclament, en suppliant, l'abolition des vieux examens, essaient de former des associations commerciales, ont à coeur, en un mot, de rajeunir notre peuple et de le sauver de la ruine. Mais c'est précisément contre eux que s'acharne avec le plus de violence la haine des mandarins indigènes. Ils ont tellement peur de voir leur pouvoir compromis et leur influence amoindrie qu'ils n'hésitent point à accuser les novateurs de folie et de conspiration et que journellement - vous n'oserez pas me démentir - ils assiègent de leurs calomnies odieuses les oreilles de fonctionnaires français.

Vous avez beau dire que l'Annam est un pays barbare ou à demi-civilisé, il n'en subsiste pas moins que depuis plus d'un millier d'années, l'étude des lettres et des livres classiques, des "Odes" et de l'"Histoire" y est en honneur. Or, ces ouvrages proclament la gloire de ceux qui aiment et choient le peuple en même temps que la honte de ceux qui l'oppriment et la plupart de nos mandarins les ont lus. Comment se peut-il donc qu'ils aient transformé la carrière mandarins et en un vil bazar où l'on fait com-

merce de la sueur et du sang du peuple? Pourquoi traitent-ils de fous ceux qui déplorent notre décadence, ou de révoltés ceux qui voudraient travailler à notre relèvement matériel et moral? En définitive, n'est-ce pas à cause du fossé qu'ont creusé les mandarins entre Français et Annamites que ceux-ci en sont arrivés à ne plus distinguer le blanc du noir, le bien du mal, la crier tout haut leur misère en songeant aux résolutions désespérées?

En vous signalant ces trois principales causes de décadence, j'en n'ai fait que l'effleurer. Avec tout leur talent, les meilleurs orateurs ou les meilleurs artistes européens seraient impuissants eux-mêmes à décrire jusque dans tous les détails les habiletés et les bassesses des courtisans du pouvoir, la cruauté des fonctionnaires vis-à-vis de leurs subalternes ou simplement la misère l'abandon où se meurt le peuple. Et tout cela parce que le Protectorat laisse trop de liberté aux autorités indigènes et traite avec mépris notre race.

En ce qui concerne leur politique indigène, le plus grand reproche que l'on puisse adresser aux Français, c'est d'avoir négligé d'enseigner au peuple les moyens pratiques de s'enrichir et de n'avoir songé qu'à multiplier les impôts et les taxes; car si la misère du peuple est due en grande partie aux autorités indigènes, il ne faut pas oublier que l'excès et la mauvaise répartition des impôts en sont une des principales causes.

Bien que, de tout temps, l'Annam est été un pays agricole, jamais on ne s'y est spécialement occupé d'élevage du bétail ou de sériciculture. A plus forte raison a-t-on négligé le commerce et l'industrie. La routine n'a pas cessé d'être la règle à tous les degrés de l'échelle sociale. On n'avait pas d'autre idéal que la paix et l'oisiveté. Jamais nos rois n'ont songé à une politique de progrès; et le reste de la nation ne se préoccupait que de se reposer ou de se divertir.

Aussi le commerce était-il arrêté dans son essor et les moyens d'acquérir des richesses très strictement limités,

de sorte qu'on ne pouvait jamais lever que des impôts fort légers. Dès qu'une calamité frappait une province, on lui remettait une partie de ses contributions ou même on lui prêtait de l'argent. Le peuple avait pris l'habitude de vivre au jour le jour et d'attendre la becquée qu'on lui donnait. Aujourd'hui encore, combien de troupes de mendiants et de vagabonds parcourent le pays! Et dire que c'est une politique aussi misérable, une telle imintelligence et une telle fainéantise chez le peuple, qui ont caractérisé pendant des siècles la vie de notre nation.

Depuis l'établissement du protectorat, l'amélioration des moyens de transport, la construction de forts et de camps retranchés, l'entretien d'une armée de nouveaux fonctionnaires, tout cela a demandé des sommes énormes qui augmentent tous les jours dans des proportions inquiétantes. Cependant, si l'on excepte les recettes des douanes nouvellement établies, les revenus de l'impôt ne se sont nullement accrus. Et c'est là ce qui est grave.

Peut-être serait-il possible d'obtenir la collaboration de deux ou trois hauts fonctionnaires annamites intelligents et honnêtes auxquels on adjoindrait quelques centaines de subordonnés compétents et habiles. Il suffirait de leur montrer le chemin à suivre, et leur faire une place dans les Conseils avec voix consultative. Je suis sûr qu'ils vous aideraient à trouver le remède, et, en particulier, à enseigner au peuple le moyen de s'enrichir lui-même, ce qui légitimerait davantage vos impôts.

Actuellement, par suite de l'incapacité des autorités indigènes et du manque de confiance du peuple, les impôts sont injustement répartis. Quelle que soit leur importance, champs et villages supportent le même poids toujours croissant, de taxes et d'impôts. Le Protectorat convaincu que cette politique convient au pays l'applique avec toute son énergie, et comme leur avancement est au prix de la stricte application de cette politique, les mandarins ne se font point répéter les ordres et, sans

hésitation, pressurent le peuple jusqu'à la moelle, et jusqu'au sang.

A ne regarder que les sommes ainsi obtenues, le résultat semble assez brillant: mais, en vérité, si vous voulez, pêcher dans un étang et y prendre longtemps du poisson, commenserez-vous par le mettre à sec? Certes, un des calculateurs habiles du service financier pourra aisément déterminer le chiffre des exportations d'une province, évaluer la somme des divers besoins matériels de ses habitants et en déduire la cote qui revient en moyenne à chacun. Mais ces estimations de la situation économique du pays seront toujours approximatives, car jamais il ne pourra faire le compte ni des sommes formidables englouties par les exactions des mandarins, ni du gaspillage de la main-d'oeuvre corvéable, ni des dommages causés par les calamités naturelles, ni ce que nous coûtent le vagabondage d'une partie de la population et les vols trop fréquents. Voilà cependant les véritables maux dont le fardeau écrase de plus en plus notre pays.

Considérons un instant, par exemple, les abus auxquels donne lieu la corvée. Vous savez que chaque inscrit doit, outre la capitation, quatorze jours de corvée qui sont tous rachetables. Cet impôt ne devrait donc pas, en principe, peser bien lourdement sur le peuple. En fait, vous n'imaginez pas quel cortège de troubles et de misères l'accompagne dans les villages. Par leurs allées et venues continuelles, tout le long de l'année, les corvéables sont une cause permanente du désordre. De plus, les mandarins ne se font pas faute, à cette occasion, de multiplier leurs concussions. Tantôt ils réquisitionnent un homme qui a déjà acquitté sa corvée: tantôt, moyennant finances, ils en exemptent un autre. C'est continuellement le régime du bon plaisir.

Alors que les mandarins devraient donner au peuple le salaire de son travail, c'est le peuple, au contraire, qui est contraint d'acheter aux mandarins l'honneur de travailler pour eux!

Etonnez-vous, après cela, de voir s'accumuler les ruines et les faillites!

D'autre part si vous tenez compte de tout ce que gaspille la tourbe des satellites, chefs de canton et de villages, vous verrez que c'est à peine si le dixième des sommes versées par le peuple épuisé pour le rachat des corvées parvient à sa vraie destination. Songez à tout cela, si vous voulez comprendre la désorganisation progressive de nos villages.

Ainsi donc, à l'heure actuelle, le peuple annamite, semblable à un troupeau de bêtes trop pesamment chargées, à la merci du premier mandarin venu, assommé de vexations, n'a plus la force de se plaindre. Il se traîne vers la mort, inconscient, presque sans regret. Placé entre la peur du fonctionnaire français et le bon plaisir avec lequel le traitent les autorités indigènes, il se résigne à tout supporter: au besoin d'ailleurs, on lui inspire cette résignation à coup de bambou et de fouet. Aussi je crains fort que le jour où la pauvreté sera le lot de tous et où la misère actuelle se sera encore accrue, le peuple n'ait plus qu'à choisir entre deux moyens d'existence; la mendicité pour les pusillanimes, et le brigandage pour les gens de coeur.

J'ai peur aussi de voir dans quelques années nos villages se vider, et le linceul de la mort tomber sur nous. Ceux qui ne mourront pas de faim dans leur maison, mourront vagabonds sur la route ou dans les cachots des mandarins. Les champs ne seront plus labourés; faute de corvéables les corvées ne seront plus exécutées et les impôts ne rentreront plus, par suite de la disparition des contribuables.

Que gagnerez-vous d'ailleurs à laisser les autorités indigènes ronger jusqu'à la moelle, comme une vermine, ce peuple qu'elles réduisent peu à peu à l'état des Peaux Rouges d'Amérique? Rappelez-vous que c'est pour avoir répandu la fleur rouge de la liberté par toute la terre que Napoléon Ier de France, envoyé de Dieu, vivra

éternellement dans la mémoire des nations; d'autre part, n'est - ce point dans votre France. comme je me le suis laissé dire, que les femmes et les enfants du peuple se plaisent à répéter le précepte: "Aimez-vous les uns les autres, faites du bien à vos ennemis"? Or, voici maintenant qu'un des plus vieux pays d'Asie est frappé d'une misère et d'une décadence sans précédent, du jour où vous y avez planté votre drapeau. Cela ne vous inquiète-t-il pas quelque peu et votre amour - propre n'en est-il pas blessé? A mon avis, vous devriez avant tout vous préoccuper de porter remède à cette situation, en travaillant à notre relèvement. Il y va de l'honneur de votre nation.

Les abus du mandarinat indigène, le fardeau des impôts, la misère du peuple ont dépassé toute mesure et les autorités françaises - elles - mêmes semblent le reconnaître, mais un peu trop tard. On a fait grand bruit récemment autour d'un programme nouveau d'administration coloniale indigène. On a parlé de suivre une politique d'association et de conquérir l'affection du peuple annamite. Je me suis fait lire dans les journaux français locaux le discours qu'a prononcé le Gouverneur général au Conseil de perfectionnement de l'enseignement indigène. Il s'y est assigné comme double tâche immédiate à la fois de traiter plus libéralement les Annamites et de développer leur instruction. Il a parlé aussi de la modification du Code pénal, de la suppression des vieux examens littéraires, de la multiplication des écoles et de bien d'autres réformes aussi urgentes qu'opportunes. Mais j'ai été étonné de ne trouver dans ce discours aucune allusion aux abus criants commis par les autorités indigènes, surtout à propos de la perception de l'impôt et de l'exécution des corvées.

Le rédacteur en chef du Courrier d'Haiphong, un Français, a écrit un grand nombre d'articles sur des questions Indochinoises. Il y a signalé avec autant de justesse que de clairvoyance les abus qu'entraînent le régime fiscal et le système des corvées. Mais quelle n'a pas été ma

stupéfaction de le voir soutenir cette thèse que l'administration de l'Annam n'est possible que si l'on rétablit partout l'autorité des mandarins! Quelle aberration! Comme s'il n'était pas évident déjà que les mandarins abusent du pouvoir que leur laisse l'autorité française pour opprimer le peuple et rendre odieux le nom de la France dont ils se parent!

Il est donc tout - à - fait inutile d'espérer notre relèvement si vous ne supprimez pas tout d'abord ces abus, si vous ne donnez pas au peuple une meilleure administration en triant soigneusement les mandarins.

Actuellement, je vous le répète, le peuple annamite est acculé à la limite de la misère, parce que les fonctionnaires, qui devraient avoir le souci de ses intérêts, sont incapables, d'autre chose que de transmettre des ordres ou de flatter leurs supérieurs. Et vous voudriez encore augmenter le pouvoir de ces hommes en leur confiant le soin de réaliser les réformes dont nous attendons le salut! Ne savez-vous donc pas que ces réformes, ils ne se décideront jamais à les appliquer, sinon pour en battre monnaie?

Les jolis tableaux ne s'accrochent point à des murs décrépis, et ce n'est pas davantage sur une table mal propre qu'on étale les bijoux précieux. Si c'est en maintenant l'état de choses actuel que vous songez à traiter libéralement des Annamites, à développer leur instruction, vous risquez qu'on vous reproche de les traiter comme les enfants dont on apaise les pleurs avec un jouet, ou comme des affamés auxquels on offrirait à manger un lingot d'or.

J'en arrive à croire que la politique du Protectorat est basée sur la crainte que le peuple annamite ne nourrisse de noirs desseins et ne songe à se révolter. C'est pourquoi l'on se sert des mandarins pour les surveiller très étroitement, et l'on a recours, pour le comprimer, aux lois les plus dures du code indigène.

Mais tout cela est bien inutile ou plutôt n'aboutit qu'à

augmenter les pires abus des autorités indigènes et à retarder le progrès de notre pays. En effet, si l'on peut croire tout naturellement qu'un peuple européen a l'amour de l'indépendance et se révolte quand il est esclave, il est ridicule de prêter de tels sentiments à des Annamites. Autant vaudrait supposer à un paralytique la force de sauter un mur pour piller une maison, ou à un enfant de trois ans, celle d'être incendiaire ou meurtrier!

Depuis fort longtemps, le niveau de l'instruction reste peu élevé chez les Annamites. Ils ont le sentiment de leur dignité aussi peu développé que leur intelligence. Ils ne peuvent vivre ensemble sans se traiter en ennemis. Les membres d'une même famille se déchirent les uns les autres et l'on trouve même des frères divisés par les haines mortelles. Eût-elle le ferme dessein de se révolter la nation manquerait donc de point d'appui, d'armes et de finance.

Admettons un instant que le Protectorat accorde à une partie de la nation l'administration directe de telle ou telle province et qu'il lui fournisse, à cet effet, des fusils et des canons. Presque aussitôt, les luttes intestines reprendraient de plus belle, les coups de feu se multiplieraient, le brigandage deviendrait général, et l'on arriverait, bien vite à l'extinction totale de la race, tant il est vrai que nous sommes incapables de garder notre indépendance à nous seuls dans le monde moderne, et à plus forte raison encore, de nous mesurer avec une autre nation.

Il est donc bien établi qu'actuellement le peuple annamite n'est capable d'aucun mouvement sérieux de révolte et que, par suite, il n'y a pas lieu de s'en préoccuper pour l'instant. Certes, je ne vais pas jusqu'à dire que l'Annamite d'aujourd'hui aime le Protectorat de tout son cœur et qu'il mourrait volontiers pour lui, car les exactions des autorités indigènes, qui depuis si longtemps l'oppriment, n'ont fait qu'accroître son mécontentement. Ecrasé par des impôts toujours plus lourds, victimes

d'inondations, de sécheresses et de famines trop fréquentes, acculé à la misère, il commence à murmurer tout haut. Le malaise est général dans tout le pays et il s'en faut de peu que l'opposition ouverte ne commence contre les autorités.

Il est à peu près certain que si, en cas de guerre de la France avec une puissance étrangère, la fortune ne se prononçait par tout de suite en votre faveur, la masse du peuple en profiterait pour susciter des troubles. L'écume de la population monterait à la surface. Ce serait le pillage organisé. Ceux qui se sentiraient les plus forts ne craindraient pas d'aller jusqu'à l'assassinat pour assouvir leurs haines privées.

Quant aux autorités indigènes et aux classes supérieures de la population, elles n'attendraient que le moment où le sort des armes serait décidé pour prendre parti. Et si vous étiez battus, vous les verriez lutter de vitesse pour ramper devant le vainqueur. Que leur importerait de rester esclaves? Un simple changement de maître suffirait à leur bonheur.

Voilà le fond de l'âme annamite à l'heure actuelle. C'est pourquoi, si les Annamites étaient appelés un jour à s'acquitter de leur dette la plus sacrée, je veux dire à prendre les armes pour la défense de leurs protecteurs et de leur pays contre un ennemi du dehors, les défections: je le crains fort, seraient nombreuses.

Cependant, je le répète, ce sentiment a sa source unique dans les trop grandes souffrances du peuple et dans la politique trop oppressive des autorités indigènes. C'est, cela seulement qui pousse la nation vers les résolutions désespérées; mais ne croyez pas qu'elle se jetterait tout entière et le cœur léger dans une aventure périlleuse. Je suis persuadé, au contraire, que si le Protectorat voulait sincèrement orienter dans une autre direction sa politique indigène, s'il se décidait à choisir parmi nous des hommes compétents: auxquels il donnerait une parcelle de pouvoir et surtout du prestige, qui investirait de sa con-

fiance, en les admettant dans ses conseils avec voix consultative pour aviser avec eux aux moyens de supprimer les abus actuels et de relever, en particulier, la condition misérable du pays, s'il voulait reconnaître à nos notables et à nos lettrés, le droit d'exprimer tout haut leur opinion, s'il multipliait la publication des journaux indigènes pour éclairer le peuple, s'il codifiait notre législation pour mettre fin à l'arbitraire des mandarins, s'il se décidait à abolir les examens surannés, à établir partout des écoles et des bibliothèques, à augmenter le nombre des instituteurs et des professeurs, à ouvrir aux Annamites l'enseignement du commerce, de l'industrie et des sciences exactes, à régulariser la perception de l'impôt; si, en un mot, le Protectorat voulait graduellement travailler à notre relèvement et à nous assurer les bienfaits de la paix, cette sollicitude trouverait un écho joyeux dans l'affection du peuple, et désormais la seule crainte des Annamites serait de voir la France abandonner l'Annam à ses propres moyens. Malheureusement, la décadence actuelle de ce pays et l'ignorance de ce peuple sont sans exemple dans le reste de l'Europe ou de l'Asie.

Nous avons l'habitude, ici-bas, de considérer comme un père celui qui nous protège, comme une mère celle qui nous entoure de tendres soins et nous donnons toute notre confiance à celui qui nous enseigne et nous élève et qui, par cela même, nous permet de prolonger notre vie sur cette terre, où la lutte pour l'existence met les hommes aux prises les uns avec les autres. Or, nous ne manquons pas de voisins, à l'Est, à l'Ouest, au Sud ou au Nord, sur lesquels nous pourrions au besoin nous appuyer; mais quand on choisit un appui, n'est-il point de la plus élémentaire prudence d'examiner quels profits matériels ou moraux (ou inversement quelle honte) il nous apportera?

Quelque séculaire que puisse être sa stupidité, l'Annamite ne consentira pas volontiers, croyez - le bien, à

courir de tels risques: il n'exposera pas à la légère ce sang qui a pourtant subi tant de mélanges et de souillures, ni ce corps qui a résisté aux mouches, aux renards et aux loups de tant de champs de bataille, pour changer simplement de maître ou pour obtenir une indépendance qu'il n'a jamais connue. Mais il dépendra uniquement de la politique future qu'adoptera le Protectorat de l'empêcher de recourir aux résolutions désespérées.

C'est le coeur rempli d'angoisse et parce que je n'ai personne à qui je puisse parler librement, que je me suis décidé à prendre le pinceau pour vous exposer très franchement mon sentiment. Si le gouvernement français a réellement à coeur de traiter plus libéralement les Annamites, il ne pourra qu'approuver mon initiative et adopter mes conseils. Il m'invitera à venir moi-même devant ses représentants pour m'expliquer à l'aise. Et ce jour-là, je lui ouvrirai tout mon coeur. Je lui montrerai ce dont nous souffrons et ce qui nous manque. Et je me plais à espérer que ce sera alors le réveil, la resurrection de notre nation. Ce sera le bonheur de notre pays et ma plus ardente ambition. Mais si, au contraire, vous continuez à n'avoir d'autre politique que de laisser opprimer notre race et si, malgré tout, les Annamites s'y résignent sans révolte ni haine, alors je vous demande de m'accuser de calomnies et de mensonges, de me placer entre la cargue, les chaînes et le chaudron d'huile bouillante, et de me montrer en cet état à tous les hommes intelligents du pays d'Annam afin que mon exemple les incite désormais au silence et leur fasse voir le danger d'imiter ma témérité et mon imposture.

Ce sera la pire des calamités pour mon pays, mais je ne protesterai plus; et sans murmure, je subirai la condamnation qu'il plaira à l'autorité française de m'infliger.

15e jour de la 9e lune de la 18e année
de Thành - Thai
PHAN - CHÂU - TRINH

**THƯ CỦA Ô. PHAN CHU TRINH
GỬI TOÀN QUYỀN ĐÔNG DƯƠNG
1906. NGUYỄN BẠN CHỦ HÂN
Ô. NGUYỄN VĂN VINH DỊCH RA
PHÁP VẪN NĂM 1906 ĐỂ GỬI
CHO TOÀN QUYỀN ĐÔNG DƯƠNG**

**THƯ CỦA ÔNG PHAN CHU TRINH
GỬI TOÀN QUYỀN ĐÔNG DƯƠNG
NĂM 1906, NGUYỄN VĂN CHỦ HÂN
ÔNG ĐẶNG THÁI MAI DỊCH RA QUỐC
NGŨ IN TRONG TUẦN BÁO "TÂN DÂN"
SỐ ĐẶC BIỆT KỶ NIỆM PHAN TÂY HỒ
NGÀY 24-3-1949 TẠI HÀ NỘI**

**THƯ PHAN CHU TRINH
GỬI TOÀN QUYỀN ĐÔNG DƯƠNG**

Phan Chu Trinh, thự trước tác⁽¹⁾ hậu bố, tỏ bày cái tình trạng ở nước Việt Nam:

Trộm xét từ khi Pháp sang bảo hộ nước Nam đến nay, những việc bắc cầu, đắp đê, sửa sang đường sá, xe lửa, tàu thủy, chạy khắp mọi nơi, cũng là lập ra sở bưu chính để thông báo tin tức, đều có lợi ích cho nước Nam, người ta ai cũng thấy cả. Nhưng có nhiều việc không thể nhìn đi mà không nói, là các mối tệ hại ở trong quan trường, các sự tạt khố ở chốn dân gian, những sự hư hỏng về nền phong hóa, cũng là những cái có quan hệ đến số mệnh nước Nam thì Chính phủ đều gác để một bên, mặc kệ cho hư nát mà không thêm hỏi đến. Trong khoảng vài mươi năm nay, các bậc đại thần ăn dầm nằm đĩa ở chốn triều đình, chỉ biết chiếu lệ cho xong việc; quan lại ở các tỉnh, thì chỉ lo cho vững thân thế mà hà hiếp bóp nặn ở chốn hương thôn, đả mạt sĩ phu thì ganh đua nhau vào con đường luồn cúi hót nịnh, không biết liêm sỉ là gì! bọn cùng dân bị nặn bóp máu mà máu mù một ngày một khô, không còn đường sinh kế nữa. Đến bây giờ thì sự thế hư hỏng, nhân dân lìa tan, phong tục suy đồi, lễ nghĩa bại hoại, một khu đất hơn 4.000.000 thước vuông⁽¹⁾, một dân tộc hơn 20.000.000 người lại sắp sửa ở cái địa vị bán khai mà quay về cái địa vị dã man. Những người có trí thức thấy cái thảm trạng như thế, lo đến nỗi giống tiêu diệt, cũng muốn rung chuông gõ mõ đánh thức nhau dậy, để lo phương cứu vớt lấy nhau, nhưng mà kẻ mạnh bạo thì trốn tránh ra ngoài nước, chỉ

(1) Trước tác: một bậc trong ngạch quan lại triều đình Huế hồi đó. Phần nhiều các người đầu đại khoa được bắt đầu bổ dụng thường được xếp vào hàm này. (Các chú thích trong thư này đều của Đặng Thái Mai)

kêu gào than khóc mà không dám về: kẻ nhút nhát thì chịu vùi đầu ở chỗ hương thôn, dành giả dui giả diếc mà không dám bàn nói đến. Chưa từng có người nào dám đến trước của quan Bảo hộ phơi gan giở máu, kể rõ cái thù đoạn tàn ngược của quan trường, cũng là cái tình trạng thảm khốc của cùng dân, khiến cho cái tội ác của quan lại và cái khổ cảnh của quốc dân trong mấy mươi năm nay, lọt vào trong tai các quan Bảo hộ. Đến nỗi nước Nam bây giờ gần thành như một người ốm nặng gần chết, khó có thuốc mà cứu chữa được nữa, đó thật là tội tại si phu nước Nam. mà gây nên tội ấy thì cũng bởi hiểu lầm rằng Chính phủ Bảo hộ dùng chính sách ngược đãi người Nam làm cái chính sách hay nhất, tốt nhất.

Tôi cáo quan đá mấy năm nay, đi khắp trong Nam ngoài Bắc, tình trạng nhân dân khốn khổ, quan lại tham tàn, đều được mắt thấy tai nghe, và dư luận ở dân gian về cái cách Chính phủ đối đãi người Nam và người Nam đối đãi Chính phủ, cũng đều để tai nghe mà ghi vào dạ cả. Tôi không dám nhút nhát, xin cứ thực bày tỏ ra sau này, các quan Bảo hộ nghe thấy, chắc cũng xót ruột đau lòng, cho làm phải mà không nỗ cụ tuyệt.

Hiện nay người Nam trừ những người ở trong quan trường không kể, còn ra thì không luận người khôn người ngu, trăm miệng một lời, đều nói rằng Chính phủ ngược đãi người Việt Nam, rằng Chính phủ không lấy loài người đãi người Việt Nam. Thấy quan lại nước Nam không sẵn sóc tới việc dân mà tàn ngược với dân thì lại đều nói rằng đó là Chính phủ cố ý dung túng khiến cho cắn nuốt lẫn nhau cho nồi giống môn môi, đó tức là cái kế thực dân của Chính phủ. Trong mấy năm nay, suốt cả trong Nam ngoài Bắc, khắp thành thị cho đến hương thôn, ý tưởng của nhân dân đều như thế cả. Lại xét biết trí mình không đủ sống được, sức mình không chống lại được, thì lại nghiêng cổ giương mắt trông mong các nước mạnh ở đâu đâu họa may họ đến cứu mình chẳng. Chao ôi! một dân tộc đến 20 triệu

(1) Con số này không chính xác, có lẽ là 40.000 dặm vuông.

người, kẻ có học thức cũng đến vài mươi vạn, mà tới tầm mù mịt, mềm yếu uon hèn, không đủ sức bênh vực được nhau, để liệu cách sinh tồn, lại ù ụ cạc cạc, không biết rằng mình ở vào cái thế giới cường quyền thịnh hành, "hơn được kém thua" này, mà còn có cái mơ tưởng hảo huyền như thế, dân tri thực cũng đáng thương vậy! Nhưng đã bao nhiêu năm nay người Nam ở dưới bóng cờ nước Bảo hộ, mà đến bây giờ nồi giống ngày một yếu hèn, không còn có kế gì cứu vớt lấy nhau, đến nỗi nóng nảy điên khùng, theo cái kế sách dễ mạt, chỉ trông mong vào nước khác, thế thì vì ai mà nên nổi thế? Tưởng các quan Bảo hộ cũng nên suy xét kỹ càng vậy.

*

* *

Cái nguyên nhân sinh ra cái tệ ấy có ba điều:

Một là chính phủ Bảo hộ dung túng quan lại Việt Nam thành ra cái tệ "cố túc"⁽¹⁾. Xưa này chính phủ Bảo hộ đối với nước ở dưới quyền thống trị của mình, thường thường chỉ đặt một vài vị quan to cùng với chính phủ bàn xử cầm cái đại cương về việc chính trị, còn các quan lại ở các địa phương, thì tuy có đặt quan Bảo hộ, nhưng cũng phải dùng người bản xứ để coi việc và trị dân. Việc làm giỏi hay không, dân yên hay không, thì cốt nhờ về cái tài năng của dân bản xứ thế nào. Nước Nam độ bốn mươi năm nay, vạn nước một ngày một suy, suốt từ trên đến dưới, chỉ biết chuyện luôi biếng vui chơi. Pháp luật, chế độ không còn có cái gì ra trò, nhân tài cũng tiêu diệt đi mất cả. Người trên thì làm lâu được thảnh thơi, chẳng qua như sống lâu lên lão làng, người dưới thì đem của mua quan, thật là tiền bạc phá lệ luật. Người này làm, người kia bắt chước, lâu rồi thành ra thói quen. Những người đổ dạt muốn cầu bố bán thì hót nịnh luôn cúi ở các nhà quyền quý; những người ở nhà thì ỷ thần, cậy thế, hà hiếp bóp nặn ở trong làng, ngoài

(1) Cố túc: dưng đất, rut rề không dám bày tỏ, không muốn đối phó quy: lột vỏ, trần thê.

việc trai gái, ăn uống thì không còn biết việc gì. Nhưng người làm ăn phát đạt, lắm bạc nhiều tiền, thì chỉ tìm cách ăn chơi cho sung sướng. Suốt cả thành thị cho đến hương thôn, đứa gian giảo thì như ma, như quỷ, lừa gạt bóc lột, cái gì mà chẳng dám làm; đứa hèn yếu thì như lợn, như bò, giẫm cổ, đè đầu, cũng không dám ho he một tiếng. Cả mấy mươi triệu người, như một đàn ruidi, lũ kiến, không còn có chút nhân cách nào, đó là thảm trạng trước mắt, ai cũng trông thấy, không phải tôi dám nói quá lời, để vu cho người cả một nước đâu.

Nay cứ xem cái nhân cách của người Nam tời mặt như thế, không kể là quan là dân, hay là hạng người nào, thì tất phải lập ra hình phạt, phòng giữ cho nghiêm, dùng pháp luật mà ràng buộc, rồi sau mới dắt diu nhau lên con đường tiến hóa, thì cuộc trị an mới mong duy trì được lâu. Chính phủ Bảo hộ ở nước Nam đã lâu, không phải là không biết rõ như thế, lại hiểu rằng: tục nước Nam không thể đổi ngay được, người nước Nam không thể dùng làm gì được, chỉ phải cầm lấy quyền lớn trong nước mà cứ để chính phủ Nam triều, cứ dùng quan lại nước Nam, để lấy người sai khiến, làm việc sưu thuế. Còn việc nước Nam, dân nước Nam thì không cần hỏi đến; trong ý cũng nói ta dùng người Việt Nam để trị nước Việt Nam mà thôi. Cũng có đôi khi thay đổi một vài ông đại thần, hoặc là thăng giáng một vài viên quan lại, cái người bị đuổi đi đã đành không làm được việc, mà cái người thay chân ấy cũng có phải là người làm được việc đâu, cái người bị cách vẫn là gian tham, mà cái người được bổ cũng không phải là người liêm khiết! Phương chi hôm nay bị giáng, bị cách, ngày mai lại được thăng, được thưởng: ở nơi này "can khoản"⁽¹⁾ thì lại đổi đi nơi kia, thì tuy có phạm tội tham, mang tiếng xấu, cũng có hại gì đâu! Quan lại nước Nam thấy chính phủ có ý dung túng như thế, cho là việc thường, lâu rồi quen đi, đứa can đở lại càng can đở, chỉ lo đem tiền đi mua quan, đứa biếng

(1) Can khoản: cách nói tắt nơi quan trường, có nghĩa là: can cứ về một khoản hình sự nào đó.

lười lại càng biếng lười, chỉ biết khóa miệng cho yên việc. Áo mũ thùng thình, ngựa xe rộn rịp, hỏi quan chức thì ông này là đại thần trong triều, ông kia là đại lại các tỉnh, chỉ biết có một việc là ngày đi hội thương⁽²⁾ hay ra công đường xử kiện, còn hỏi đến việc lợi bệnh⁽³⁾ trong nước, hay là trong một tỉnh, thì mơ màng chẳng hiểu một chút gì; ông này là quan phủ ở phủ này, ông kia là quan huyện ở huyện kia; chỉ biết việc bắt phu, thu thuế cùng là đi đón đi tiễn các quý quan, còn hỏi đến việc nên làm, nên bỏ ở trong phủ, trong huyện, cũng mơ màng mà chẳng hiểu chút nào cả. Còn đến việc đút lót người trên, sách nhiễu kẻ dưới, thì không cứ là quan to, quan nhỏ, đều công nhiên cho là cái quyền lợi của người làm quan đáng được, đều có ai bàn nói đến cũng không kể vào đâu.

Than ôi! Nước Nam nhân cách tuy rằng tời mặt, dân trí tuy rằng lú láp, nhưng nếu vài trăm năm nay cứ đời bại mãi như thế, thì nòi giống tất phải tan nát những bao giờ rồi, có thể nào độc lập được hơn nghìn năm, nghiêm nhiên là một nước lớn ở phương nam, số người vẫn cứ sinh sôi nảy nở ngày thêm nhiều ra, đến bây giờ thành ra một dân tộc lớn trên thế giới. Thuộc địa của Pháp, khắp cả năm châu, phỏng khiến cách cai trị thuộc địa nơi nào cũng như thế cả, thì còn ai vui lòng yêu mến nữa?

Than ôi! Pháp luật của nước Nam tuy rằng không công bằng, nhưng mà thuộc về cái mặt ngăn cấm quan lại thì thật nên dùng để trị quan lại đời này. Bây giờ chính phủ lại chỉ dùng cái hình luật rất thảm khốc ác độc để trời buộc bọn dân ngu, mà đối với quan lại thì pháp luật rất là sơ sài, đến nỗi như để nước vỡ chân, tung tóe ra mà không thể nào ngăn cản được nữa, thế thì lỗi tại chính phủ dung túng quan lại mà thành ra cái tệ ấy đó.

Hai là chính phủ khinh rẻ sĩ dân Việt nam thành ra cái tệ xa cách. Người Pháp ở nước Nam đã lâu, thấy người Nam quan lại thì gian tham, kẻ sĩ dân thì ngu xuẩn, phong tục thì đời bại, ghét rằng người Nam không có phong cách

(2) Hội thương: họp mặt với các quan Tây để thương nghị công việc (thật ra là để nghe mệnh lệnh và huân thưởng).

(3) Lợi bệnh: lợi ích.

quốc dân, cho nên phàm những bài đăng trên các tờ báo, cho đến những khi bàn bạc chuyện trò đều tỏ ý ghét người Nam, khinh người Nam. cho là người Mọi, vì với lợn bò, không muốn đi đất lên cho ngang với mình, mà lại sợ đến gần mình làm cho nhớp bẩn nữa. Vài mươi năm nay, không cứ hạng người nào, không cứ có tội hay không có tội, nếu xúc nộ⁽¹⁾ quan Tây, thì đều bị kỳ nhục⁽²⁾. Những người nghèo đi làm thuê, những dân phu đi làm việc quan, bị người Tây đánh đau hay là đập chết, cũng thường thấy luôn. Những việc ấy đồn thổi đi khắp trong Nam ngoài Bắc, ai nghe cũng phải kinh hãi tức giận, cho là người Tây đái mình như chim muông, coi mình như gỗ đá, nhưng chỉ căm tức mà không dám nói ra. Những người nhà quê ngu khờ, sợ uy khiếp thế, xem người Tây như sấm như sét, chỉ lo tránh cho xa; những kẻ sĩ phu hơi có liêm sỉ, thì đều sợ cái đường làm quan mà không dám bạ men đến. Chỉ có những người ham lợi lộc hay là cấp bách về việc ám no trong nhà, cực chẳng đã phải dấn đầu vào trường nô lệ. Khi đêm hôm thanh vắng một mình, nghĩ đến những cách người Tây khinh rẻ đái mình, cũng biết tức giận, biết xấu xa, mà mình lại phân vân với mình, chỉ vì mình ở trong vòng, không làm thế nào được, cũng phải im hơi lặng tiếng cho xong việc đi, chứ có phải bọn ấy toàn là đồ vô sỉ, vui thích những sự ô nhục thế đâu. Hiện bây giờ, quan lại nước Nam, không cứ quan lớn quan nhỏ, khi tiếp kiến quan Tây đều là run sợ rụt rè, chỉ sợ thua thốt sai lầm làm cho quan Tây nổi giận. Ở các chốn hương thôn, những kẻ thân sĩ, khi đi ở ngoài đường ngẫu nhiên gặp người Tây, không cứ là Tây quan, Tây lính hay là Tây buôn, thì phải cúi đầu cụp tai rảo bước mà đi cho mau, chỉ sợ tránh không xa mà bị nhục.

Nay hai nước ở cùng một xứ, mà tình ý xa cách nhau như thế, cho nên những người cầu làm quan thì ngày càng đến trực trước của các quan Bảo hộ, mà những người có kiến thức ở trong nước thì không ai dám đến trước sân,

(1) Xúc nộ: xúc phạm

(2) Bị kỳ nhục: bị xúc phạm nhục nhã.

những người kiện cáo thì đôi khi được thấy mặt quan công sứ, mà cái tiếng sàu khổ ở chốn nhân gian thì không bao giờ được lọt vào tai quan công sứ.

Than ôi! Lấy cái tội gian tham vô sỉ mà buộc cho người Việt Nam thì thật không chối cãi được. Nhưng mà cả một dân tộc đến 20 triệu người há lại không có một vài người có thể bàn nói đến việc lợi bệnh có ích lợi cho nhà nước, mà chính phủ Bảo hộ nhất thiết khinh rẻ đi, tôi sợ rằng ở với nhau càng lâu lại càng xa nhau, khó lòng mà mong hai bên tình ý đều thông với nhau được. Mới đây *Dại Việt tân báo* có nói rằng số người Việt Nam ở Nhật Bản hiện nay có chừng hai mươi người. Trong số chừng hai mươi người ấy há lại không có một vài người hơi biết cái hiện trạng cùng khốn của nước Việt nam bây giờ ư? Và từ chỗ những người ấy mà đi đến dinh quan Bảo hộ tỉnh mình, xa thì độ một ngày, gần thì độ vài ba giờ. Thế mà dân nước Nam xưa kia chưa từng bước chân ra khỏi cửa, nay thì chịu bỏ mồ mã, lia vợ con, vượt bể ra khơi, mầy mò đến một nước mấy nghìn năm nay không biết bao giờ, kêu gào khóc lóc, để thổ lộ cái khí uất ức bất bình, chứ quyết không chịu đến cửa quan Bảo hộ mà bày tỏ những sự đau đớn ở trong lòng, thế là tại chính phủ Bảo hộ khinh rẻ người Việt Nam, thành ra cái tệ xa cách mà sinh ra thế.

Ba là tại các quan lại Việt Nam nhân cái tệ xa cách ấy mà thành ra cái tệ hà hiếp dân. Chính phủ Bảo hộ vì người Việt Nam tình ý không thông, mà quan lại làm cần làm bày trên kia đã kể qua rồi. Nhưng phỏng khiến không có người đứng giữa ngăn cản hai bên, ngộ có một ngày kia các quan Bảo hộ vì ở lâu mà hiểu rõ được tình ý người Việt Nam, hoặc là người trong nước không chịu nổi, mà phải bày tỏ các mối tệ của quan lại ra, người Pháp người Nam thông hiểu được nhau, thì quan lại còn thò ngón gĩa vào đầu được nữa. Quan lại có muốn như thế đâu, tất phải tìm cách để xa lia ra. Họ biết rằng sưu thuế thu nạp cho thanh thoả là điều chính phủ thích, gàn trở việc quan, hay là hợ dang mưu toan bạo động, là điều chính phủ ghét. Cái điều chính phủ thích thì họ hết lòng hết sức làm cho được việc.

Tuy lột da dân, hút máu dân, chẻ xương dân cũng không cần. Các quan tỉnh, quan phủ, quan huyện ý quyền thế để dọa nạt dân ngu và dè nén sĩ phu, lại sợ sĩ dân hoặc có tức giận mà chống lại chẳng, họ lại nhân điều chính phủ ghét mà vu oan, hoặc là nói rằng họp tập thân sĩ, sợ có ý thức gì khác chẳng... Máy câu mơ hồ, không có chứng cứ gì cả. Chính phủ không hiểu cái mưu gian của họ, lại cứ tin họ, vì thế mà có người phải lụy đến thân gia, mắc vào tù tội.

Cũng có khi chính phủ biết là bọn quan lại nói dối, nhưng lại cho là họ làm được việc quan, rồi cũng làm thình mà không trị tội. Bởi thế dân tình càng cách, sĩ khí càng suy, quan quyền càng thịnh. Các quan phủ huyện chen thẳng dân nào béo thì ăn, tù việc kiện cáo, việc trộm cướp, việc án mạng, cho đến các việc vặt khác, việc gì cũng bóp nặn lấy tiền; còn như là chính phủ sức hỏi trong hạt mình có bao nhiêu trường học, dân lính giống tằm về nuôi, cùng là nhà làm ruộng mang thóc đi đâu xào, số đinh, số điền bao nhiêu, cùng là quan Tây đi khám, thầy thuốc đi trồng đậu, và những việc vận tải đồ đạc. Chính phủ thì cho là việc thường, không có gì nhiều dân cho lắm, mà quan lại thì cứ nói rằng đó là việc giao thiệp, rồi sai trát đi bắt dân, làm ồn ào cả lên, nào là đưa, là đón, là khai, là báo; nào là tiền phạt, tiền rút giấy, quan đã quơ quét được một số tiền to rồi. Phàm những việc sâu khổ ở dân gian, tức là những mối lợi to của quan lại. Không cú việc lớn việc nhỏ, việc hoán việc cấp, hể nắm được một mảnh giấy của quan bảo hộ thì họ quý như hòn ngọc, coi như cái bùa hộ thân, vì nhờ đó mà thu được nặng túi!

Thậm chí các nha dịch và các tổng lý thấy béo bỏ quá cũng thêm mà tìm cách chাম mút dôi tỹ, đua nhau đem tiền bạc ra tình lo chạy, cầu được một chút gì nhỏ nhỏ, nhai cá bá già cũng đủ no béo rồi. Nghiệm thế thì tình trạng khốn nạn của dân cũng đáng thương thật, chỉ vì sợ uy khiếp thế mà không dám ho he. Trong đám thân sĩ cũng nhiều người biết, vì mình ở ngoài vòng, sợ mang lấy hiềm nghi nên không dám nói đến. Các quan to cũng biết như thế cả, nhưng vì ăn của dút, rồi cũng già điếc già dui, còn các quan Bảo hộ thì vì ý tình không thông, không tài nào

hiếu thấu được. Đến bây giờ dân cùng của hết, người giàu, người nghèo, đều khốn khổ cả; người nào cũng oán thán, trộm cướp nổi lung tung, sự thế thật là nguy cấp. Thân sĩ trong nước, người thì xuống ra học chữ Tây, người thì xin bỏ khoa cử, người thì góp vốn mở cửa hiệu buôn, ý cũng muốn cứu vớt lấy vài phần trong trăm phần; quan lại ghét rằng làm thế là có ý muốn chống chọi với mình thì lại bảo là diên cuồng, cho là âm mưu, những lời vu oan giá họa, chắc là ngày nào cũng nói đến tai các quan Bảo hộ.

Than ôi! Nước Nam không kể là nước đã man hay nước bán khai, nhưng mấy nghìn năm nay theo học chữ nho, sách vở hãy còn đó, nếu lấy yêu dân là công, hại dân là tội, bọn quan lại đều là người có đọc sách, có biết chữ mà dám lấy quan trường làm nơi bán hàng, coi nhân dân như cá thịt, bảo những lời thương dân là diên rồ, cho những việc hung lợi là phản nghịch, làm cho đen trắng mập mờ, phải trái lẫn lộn, làm bậy làm bạ, nói cần nói dờ, không còn chút kiềng dè sợ hãi gì, thế là bởi quan lại nhân cái tệ xa cách mà gây nên.

Ba cái tệ mới kể ở trên. Đó là mới nói qua đấy thôi, còn đến các thói nịnh hót, các cách tham bạo của quan lại, cho các nhà kỹ xảo Thái tây nghĩ mấy năm cũng không hiểu được; cái tình trạng đói rét sâu khổ của dân ngu, các nhà hội họa Thái tây vẽ mấy mươi bức cũng không đúng được.

Nhưng đó chỉ là tại chính phủ Bảo hộ dung túng quan lại, khinh rẻ sĩ dân. Đến nỗi quan lại thừa cơ mà làm hại dân, còn đến cái chính sách kinh lý nước Nam của Chính phủ thì còn nhiều điều nên bàn nói nữa. Nghề làm ăn thì không dạy bảo, lối lợi thì không mở mang, chỉ biết sưu thuế thì tăng cho nhiều, bây giờ cùng khốn đến thế này, tại quan lại làm hại dân, mười phần độ năm sáu, mà vì sưu thuế nặng nề thì mười phần đến ba bốn. Nước Việt Nam mấy nghìn năm nay chỉ trông vào nghề làm ruộng, việc chăn nuôi cùng dâu tằm cũng chưa thành nghề riêng, còn nghề công, nghề thương thì đành thua kém nhiều, không phải bàn đến nữa. Xưa kia suốt các hạng người trong nước, toàn là luòi biếng cấu thả, gặp sao hay vậy, triều

đình thì không lo tính đến việc mở mang thực nghiệp, ở chốn hương thôn thì phần nhiều là quân du thủ thu thực, nguồn lợi không thông, mới lợi lấp hết, vì thế cho nên các ngạch thuế đều thu nhẹ cả. Gặp năm dói kém, thì hoặc phát tiền hoặc cho vay gạo, dân ngu không có nghề nghiệp, chỉ hong hóng ngồi đợi người nuôi. Đến bây giờ khắp trong nước biết bao nhiêu đất bỏ hoang và dân vô nghề, chính trị thì đổ nát, nhân dân thì ngu luòi, đã trải bao nhiêu năm như thế rồi. Từ ngày thuộc quyền bảo hộ của nước Pháp, nào là bắc cầu sửa đường, xây đồn lập ải cho đến lương bổng của quan lại cũng tăng lên, chi tiêu tốn kém kể hàng mấy trăm vạn, mà số tiền thu vào trừ các ngạch thuế thương chính ra thì chỉ trông vào thuế đình, thuế điền, cũng là sự thế phải đến thế. Nhưng nếu được vài bạc đại thần có tri thức, có lòng nhân ái, và vài trăm viên quan lại có đức thanh liêm, có tài miễn cán, mà chính phủ tín dụng cho, để cùng nhau tính toán những việc dấy lợi trừ hại, mở tài nguyên cho nước, thêm đường sinh lý cho dân, rồi sau hãy lần lần lấy thuế thì trên đã có lợi cho nước, mà dưới cũng không có hại gì đến dân, cũng không phải là không có cách gì làm được. Nhưng nay không làm thế, lại lấy cớ rằng quan lại không có tài cán gì, nhân dân lại hay lừa dối, không cần hỏi đến ruộng rộng hay hẹp, tốt hay xấu, đình nhiều hay ít, giàu hay nghèo, cứ nhất luật mà lấy thuế, năm nay thêm một phần, sang năm thêm một phần, năm nay gia một khoản, sang năm gia một khoản. Chính phủ đã lấy thế mà tiêu dùng cho đủ, cố hết sức mà làm; quan lại lại lấy thế để làm đường mua quan, rán mồ dân cho đủ ngạch. Cứ theo việc trước mắt thì cách làm như thế không phải là không để mà là lại lấy được nhiều tiền, nhưng chỉ sợ rằng tât hết nước mà bắt cá, thì sau không thể có được mái. Về khoa tài chính thì người Pháp rất là tinh tường, thử xem số hoa lợi của đất cát trong một tỉnh một năm được bao nhiêu, một người ăn mặc một năm hết bao nhiêu, chi tiêu vật vãnh một năm hết bao nhiêu, tiền đóng sưu nộp thuế một năm hết bao nhiêu, so tính cho kỹ thì nhân dân tiêu dùng thừa thãi hay là túng thiếu, thật là rõ.

ràng, không còn phải bàn nói nữa; huống chi quan lại lại sách nhiễu, sưu dịch lại nặng nề, và gặp năm thiên tai, tiền của vật sản lại còn hao hụt không biết là bao nhiêu; lại còn chưa kể đến những quân luòi biếng ăn bám và những quân trộm cướp bóc lột nữa. Thế mà muốn cho nhân dân không khốn đốn mà chết dần chết mòn đi, thì có thể nào được không? Lại còn đến cái tệ sưu dịch thật cũng không thể nói xiết được, mỗi tên đình một năm đóng thuế thân rồi phải bốn ngày công ịch và mười ngày công sưu, còn như đi làm thú tạp dịch khác đều có tiền thuế, cứ như thế thì giống như dân cũng không đến nỗi khốn khổ gì cho lắm. Nhưng mà ở chốn hương thôn thật là phiền nhiễu, người nọ đi, người kia về, nối gót nhau trên đường không có ngày nào được yên cả. Quan lại lại nhân thế mà quấy nhiễu, tha tên này, bắt tên kia, tùy ý mình muốn thế nào thì làm thế, lúc đầu thì quan đem tiền thuế dân, sau thì dân đem tiền thuế quan; dứa cùng dân vì thế mà hết sản nghiệp, mà mất nghề làm ăn cũng thật nhiều. Còn những tiền cố công, tiền hòa mái của Nhà nước phát cho, thì nha lại ăn bèo ăn xén, dân nghèo quanh năm vận tải ở trên đường, khốn khổ khó nhọc, mà tiền công mười đồng chỉ lĩnh được hai ba đồng mà thôi, như thế mà muốn cho bọn cùng dân không lia tan trôi dạt, có thể nào được không?

Nhân dân nước Nam bây giờ ngu xuẩn như trâu, như ngựa, tha hồ cho người ràng trói, cho người đánh đập, có miếng mà không dám kêu, gần chết mà không dám than thở, lại thêm lấy uy thế của Bảo hộ và quan lại nước Nam tàn nhẫn, cứ dùng roi vọt mà đánh cho đau, thì muốn gì mà chẳng được! Tôi sợ rằng người giàu thì nghèo đi, người nghèo càng thêm khốn, người hèn yếu nhút nhát thì phải đi ăn mày ăn xin, quân gian dối mạnh bạo thì thành ra ăn trộm ăn cướp, trong đám bảy năm nữa, chốn hương thôn tiêu điều, nhân dân mòn mỏi, không vì đói rét mà chết, thì cũng vì lia tan mà chết, không chết ở đường xá, thì cũng chết vì quan lại hà hiếp; đến lúc ruộng không có người cày, việc không có người làm, thuế má không có

người nộp, tuy có lột da đeo xương, làm đến đâu thì cũng lại theo dân giống đờ ở Mỹ châu mà thôi, chứ có ích lợi được việc gì đâu!

Than ôi! Nã-phá-luân hoàng đế là ông sứ giả trời sai xuống rắc cái hoa tự do, người Âu châu đến bây giờ vẫn khen ngợi; lại đến câu "yêu giặc như bạn", đàn bà trẻ con nước Pháp vẫn còn nhắc đến luôn. Nay một nước cũ mấy nghìn năm ở cõi Á đông, mọi thuộc về ngọn cỏ ba sắc, mà đã đến khốn khổ, uất ức không tự lập được, các quan Bảo hộ chắc cũng đau lòng xót ruột ngày đêm lo lắng, tìm phương cứu vớt cho; lẽ nào để như thế mái mái, làm hại đến danh dự của nước Pháp, khiến cho kẻ khác mượn cớ thế mà thêm tiếng chê bai? Ở nước Nam bây giờ, quan lại tham tàn, sưu thuế nặng nề, nhân dân sàu khổ, thật đã quá lắm rồi, mà các quan Bảo hộ vẫn hình như chưa biết, thế chẳng chậm lắm rồi ư?

Mới đây trong Nam ngoài Bắc, nhân dân đồn thổi đều nói rằng cái chính sách cai trị nước Nam nay Chính phủ muốn đổi phương châm, làm cho người Tây người Nam cùng lòng hợp sức với nhau, đó thực là cái kế vũng yên lâu dài vậy. Nhưng tôi thường đọc những bài diễn thuyết của quan toàn quyền đăng ở các tờ báo, một thì nói rằng khoan đãi người Nam, việc cải hình luật, mở trường học, và các việc khác, cũng có nói đến nhiều, mà đến việc quan lại và việc sưu dịch, thì thật không nói động đến; ông chủ bút báo nọ ở Hải Phòng là người Pháp, bàn việc Đông Dương dài đến mấy vạn lời, cái tệ sưu thuế, nói cũng đã hết, mà cái việc quản lại nước Nam thì lại nói rằng "không theo cái phép cũ nước Nam, thì không trị được dân Nam". Ý kiến sai lầm như thế, thật lạ lùng thay! Nay chính phủ Bảo hộ dùng quan lại để áp chế dân nước Nam cũng đã lâu rồi đến bây giờ muốn lấy lợi mà không trừ hại trước, mưu yên dân mà không chọn quan trước, thì lợi đấy sao được, dân yên sao được?

Bây giờ dân nước Nam đã sắp chết đến sau lưng, mà quan lại thì trừ việc truyền lệnh thu thuế, không còn biết

việc gì nữa, họ không làm qua loa cho xong chuyện, thì họ lại nhân dịp để kiếm tiền, đã không có công hiệu gì mà lại thêm nhiều dân nữa. Vẽ màu xanh sắc đỏ vào bức tường đất bùn, bày vật lạ miếng ngon trên cái bàn bụi bặm, chỉ mất công mà được ích gì đâu! Thế mà cứ nói khoan đãi người Nam, khai hóa người Nam, có khác gì sợ con trẻ với khóc, mà đem bánh ngọt quả chín ra dỗ, lo dân đói làm trộm cướp mà chớ mò vàng mò bạc ra chỉ làm cho nó nghi ngại mà chết thêm mà thôi, vẽ cái chính sách kinh lý Việt Nam có thấy ích lợi được chút gì đâu.

Tôi xét kỹ chính sách của chính phủ Bảo hộ hình như ngờ sĩ dân nước Nam thăm mưu chống cự, muốn nhờ quan lại để dò xét, dùng hình phạt để hiếp chế, làm như thế chỉ nên mất sĩ khí của sĩ phu, mà thêm cái gian cho quan lại, về sự thực không đúng gì cả. Nay, yêu tự do, mưu độc lập, lấy sự làm nô lệ người là xấu hổ, ngờ cho dân tộc bên Âu châu có lòng như thế là phải rồi, chứ ngờ cho sĩ dân nước Nam như thế thì không khác gì ngờ người phải bệnh bại treo tường ăn cướp, ngờ cho đứa bé ba tuổi đốt nhà giết người. Nước Nam đã lâu nay học thuyết sai lầm, phong tục hư hỏng, không có liêm sỉ, không có kiến thức, trong một làng một ấp cũng xâu xé lẫn nhau, cùng nói cùng giống, vẫn coi nhau như thù hằn: cho dầu ai có muốn lo toan việc lớn, chưa kể rằng không có chỗ mà nương thân, không có khí giới mà dùng, không có tiền của mà tiêu, giả phỏng Chính phủ cho mượn dăm nghìn khẩu súng, cấp đất vài tỉnh cho ở, không thêm hỏi đến, tha hồ muốn làm gì thì làm, chỉ độ dăm năm, thật là báo thù lẫn nhau, đến chết hết mới thôi, quyết không thể sống nổi trong cái thế giới này, lại còn chống cự ai được nữa?

Sĩ dân nước Nam, không làm gì nổi, đã đành là không phải lo, song bảo rằng cùng với chính phủ Bảo hộ một lòng một chí, không ngờ vực nhau, sống chết có nhau, thì cũng chưa hẳn đã có như thế. Vài mươi năm nay, quan lại tàn

ngược ngày càng tệ thêm, cùng dân oán hận ngày càng sâu thêm, lại thêm sưu thuế nặng nề, và nắng to lụt lớn, thiên tai thường xảy ra luôn, sinh kế càng thêm khó khăn, khó này chưa qua khổ kia lại đến, không biết đến đâu là cùng. Đến bây giờ tiếng oán hận nơi nào cũng thê, nhân tình nhao nhao, nghe những tin thổi háo huyền, cũng đều lấy làm thật, chỉ vì chưa gặp được dịp, chưa dám ù lên mà chống chọi với quan lại đó thôi. Phòng như một ngày kia nước láng giềng thừa cơ mà gây việc, hai bên đương chống chọi nhau, dân nghèo nhân dịp khởi lên bạo động, người tham thì cướp bóc để lấy của, người mạnh thì chém giết để hà lòng thù riêng, quan lại thì dòm bên nào mạnh thì theo, bên nào yếu thì bỏ, thấy sự thế đã hỏng thì lại mau chân chạy trước, tuy bỏ chủ này làm đầy tớ chủ khác, họ cũng can đảm mà làm, đó là cái ẩn tình của người Việt Nam bây giờ đó. Như bảo rằng người Nam phải liêu chết vì chính phủ Bảo hộ đi chống giặc ngoài, là cái nghĩa vụ của người Nam phải làm như thế, sợ người Nam không ai công nhận đâu! Tuy vậy, đó cũng là vì khốn khổ vì tệ chính, khiếp sợ vì ngược uy, không biết làm thế nào. Cực chẳng đã phải làm điều đó thôi; chú không phải là người Nam ham vui sự tai vạ mà làm như thế đâu! Nếu Chính phủ thật sẵn lòng đổi hết chính sách đi, kén chọn người hiền tài, trao quyền binh cho, lấy lễ mà tiếp, lấy thành mà đãi, cùng nhau lo toan việc đày lợi trừ hại ở trong nước, mở đường sinh nhai cho dân nghèo, rộng quyền ăn nói cho thân sĩ, báo quán cho mở rộng để thông đạt tình dân, thường phạt cho nghiêm minh để khuyến răn quan lại, còn đến những việc đối pháp luật, bỏ khoa cử, mở trường học, đặt tòa tu thư, dạy lớp sư phạm, cho đến học công thương, học mỹ nghệ, và các ngạch sưu thuế, đều cải lương dần dần, thế thì dân được yên nghiệp làm ăn, sĩ thì vui lòng giúp việc cho Chính phủ, chỉ sợ người Pháp bỏ nước Nam mà đi, còn ai toan mưu việc chống cự nữa?

Than ôi! Nước Nam bây giờ, dân khí thì yếu hèn, dân trí thì mờ tối, vì với các nước châu Âu châu Mỹ, cách xa không biết bao nhiêu dặm đường. Công việc ngày nay, ai có thể dạy ta thì ta xin làm học trò, ai có thể nuôi ta thì ta

xin làm con, nhờ ơn dạy dỗ nuôi nấng diu dắt ôm ấp lấy nhau. mong cho giống nòi còn sinh tồn ở trên mặt địa cầu này thôi. Bỏ nơi này, sang nơi khác, đi đâu mà chẳng phải là nhờ, nhờ ai chẳng là nhờ, mà lại bảo rằng nhờ người này là vinh, nhờ người kia là nhục, cứ lo ngày lo đêm, tìm cách nợ kẻ kia, ném đi mấy mươi vạn cái đầu, chảy ra mấy mươi vạn vũng máu, vất đi bao nhiêu cái xác ruồi không thêm bâu, cáo không thêm ăn. để mua lấy cái địa vị nô lệ mấy trăm đời không thay đổi thì trong lòng mới hả mới sướng, người Nam đâu mắc phải bệnh điên, cũng không ai chịu làm thế! Nhưng tôi còn không dám nói chắc lắm, là còn xem cái chính sách của chính phủ Bảo hộ đãi người Nam thế nào. Tôi trong lòng đau đớn chua xót không biết kêu gào vào đâu, cầm bút viết thư này. quên cả những sự kiêng sợ, các quan Bảo hộ quả lấy lòng thành khoan đãi người Nam, thì tất cũng xét bụng tôi, nghe lời tôi, cho tôi đến ngồi mà thung dung bàn hỏi cho tôi được phơi gan mở ruột, bày tỏ cái điều lợi hại, may ra nước Nam có cái cơ được cải tử hồi sinh, thế là hạnh phúc của nước Nam tôi, thế là lòng ước mong của tôi. Vì bằng Chính phủ cứ lấy cái cách tàn ngược đối đãi người Nam là cái chính sách hay nhất tốt nhất, thà bỏ một khu đất bốn mươi sáu vạn dặm, giết một dân tộc hai mươi mấy triệu người. để theo cái chính sách ấy, chớ quyết không cho người Nam được có lúc mở mặt mở mày với thế giới, thì xin lấy cái tội ngông cuồng khêp cho tôi, lấy cái luật phi báng buộc cho tôi. gông cùm để trước mặt, vạc đầu đùn sau lưng. khiến cho những kẻ có tài có trí ở trong nước, chum chân khóa miệng, lo liệu lấy cách mà làm, dùng bất chước tôi đường đột nói cần để mác vòng tội lệ, thế là một điều không may lớn cho nước Nam tôi, mà cũng là cái lòng ước mong của tôi. xin các quan Bảo hộ xét cho.

Ngày 15 tháng 9 năm Thành Thái thứ 18

PHẠM CHU TRINH.



ĐÁM TANG ÔNG NGUYỄN VĂN VĨNH. HÀ NỘI 8-5-1936

THU TRANG GASPARD

HỒ CHÍ MINH À PARIS
(1917-1923)

Préface de Philippe DEVILLERS

Editions L'Harmattan
5-7, rue de l'École-Polytechnique
75005 Paris

THỎ CỦA ÔNG PHAN CHÂU TRINH GỬI
ÔNG NGUYỄN ÁI QUỐC 18-2-1922

LETTRE DE PHAN CHÂU TRINH À NGUYỄN ÁI QUỐC.

DU 18 FÉVRIER 1922

« Marseille, le 18-2-1922.

Mon cher Nguyễn Ái Quốc,

Nous vivons depuis plusieurs années en terre étrangère. Mais nos cœurs n'ont jamais perdu de vue la situation de notre Patrie. Le gouvernement colonial prétend qu'il a mené la pacification pour assurer la sécurité du peuple ; il répète avec insistance qu'il construit des chemins de fer, des établissements scolaires, des hôpitaux, remplissant ainsi une mission civilisatrice dans notre pays d'Annam. Toutes ces œuvres, la presse de Paris les commente largement ; mais des lourds impôts, des mandarins cupides, de nos compatriotes emprisonnés, exilés et liquidés, personne n'en parle.

Le peuple gémit sur la perte de notre Patrie ; de fait, nous sommes devenus apatrides, mais l'âme de la Terre ancestrale nous hante et nous interpelle. Comment pourrions-nous être tranquilles ? La situation réelle de notre pays, tous nous la connaissons ; et nous sommes là à écrire des articles dans la presse, à adresser des appels aux Français de bonne volonté pour qu'ils aident les Annamites à renverser le pouvoir oppresseur ; mais le résultat en est bien mince !

La soif de liberté, d'égalité et de fraternité que firent naître Montesquieu et Rousseau n'est nullement épanchée chez nous, car aucune goutte de ces sources salutaires n'est jamais tombée sur notre Terre natale. A partir de cela, nous devons conclure qu'une race en marche vers les progrès de la civilisation ne doit compter que sur soi-même, miser uniquement sur ses propres forces. Malheureusement, l'Annam a été envahi par les Français ; nos révoltes répétées à de multiples reprises n'ont pas changé le cours des choses ; la situation s'est figée. Désormais, nos réactions s'atténuent peu à peu à cause de ces êtres à face humaine mais à cœur de fauve qui la tolèrent et l'acceptent (13), et aussi parce que nous n'avons pas de véritable leader.

THƠ CỦA ÔNG PHAN CHU TRINH
VIẾT Ở BÊN PHÁP, Ở CẢNG MẮC-XÂY
NĂM 1922 GỬI ÔNG NGUYỄN ÁI QUỐC

Marseille, 18-2-1922

Nguyễn Ái Quốc thân mến

Chúng ta đã sống từ nhiều năm nay trên đất khách quê người. Nhưng những trái tim của chúng ta không bao giờ là không hướng về tình hình của Tổ quốc chúng ta. Chính Phủ thuộc địa đã tiến hành bình định để bảo đảm an ninh cho nhân dân: họ đã nhắc đi nhắc lại là họ đã xây dựng đường sắt, những trường học, những bệnh viện, đã làm đầy đủ như vậy những nhiệm vụ, khai hoá văn minh cho đất nước An nam. Tất cả những công trình đó báo chí ở Paris đã bình luận một cách rộng rãi; Nhưng sưu cao thuế nặng, quan lại tham nhũng, đồng bào chúng ta bị tù đầy và giết chóc thì không ai nói đến cả.

Nhân dân rên xiết vì đất nước của chúng ta bị mất; thực tế chúng ta đã trở thành những người vô tổ quốc, nhưng hồn thiêng của đất nước của tổ tiên vẫn ám ảnh chúng ta và kêu gọi chúng ta. Làm sao mà chúng ta có thể ngồi yên được? Tình hình thực tế của tổ quốc chúng ta, chúng ta đã đều biết rõ cả, và chúng ta vẫn cứ ở đây để viết những bài báo cho báo chí Pháp, để gửi những lời kêu gọi đến cho những người Pháp chân chính để người ta giúp đỡ những người An nam, để họ lật đổ cái chính quyền đàn áp họ; nhưng kết quả thật là mỏng manh!

Khát vọng tự do, bình đẳng và Bác ái mà Montesquieu và Rousseau đã sáng tạo ra không mây may lan sang nước ta, bởi vì không có một giọt nước nào của những nguồn suối cứu tinh này lại chảy về cái đất nước tổ quốc của chúng ta: Xuất phát từ đó, chúng ta phải kết luận là một dân tộc một giống nòi muốn đạt tới những tiến bộ của văn minh thì chỉ có thể trông vào bản thân mình, chỉ có thể dựa vào sức lực của chính mình. Không may thay, nước An nam lại bị Pháp xâm lược; Những cuộc nổi dậy của chúng ta sảy ra liên tiếp nhiều lần cũng không làm thay đổi được bước tiến của tình thế; Tình hình đã tạm yên. Thế là từ nay những phản ứng của chúng ta đã giảm bớt từ từ, do nguyên nhân có bọn người mặt người dạ thú đầu hàng và chấp nhận kẻ thù, và cũng bởi vì chúng ta không có những lãnh tụ thật sự.

Depuis longtemps déjà, moi, vous et Monsieur Phan discutons de beaucoup de choses. Mais jusqu'à présent, vous n'avez point retenu mon triple objectif : " ouvrir l'esprit du peuple (par l'éducation), stimuler son énergie et assurer son bien être "(14). Pour ma part, je n'aime pas votre méthode consistant à attendre que le moment propice se présente et que tous les hommes soient prêts pour se lancer dans l'action. Je ne souscris pas non plus à la théorie de Phan Văn Trường : " conquérir en priorité le cœur des gens du peuple ". C'est à cause de nos divergences que vous m'avez qualifié, auprès de Monsieur Phan, de " lettré conservateur et arriéré ". Cette étiquette que vous m'avez collée, je ne m'en vexe pas car, lisant mal le français, je ne puis comprendre parfaitement les œuvres produites sur cette terre de haute civilisation. Je me vois comme un cheval épuisé qui ne peut plus galoper ; oserais-je vous comparer à un fougueux étalon ? Sincèrement, depuis longtemps, loin de vous mépriser, bien au contraire, je vous admire. Et je vous dis cela du fond du cœur, sans aucune flatterie ! Les faits que j'ai rappelés ci-dessus n'ont pour but que de rafraîchir la mémoire. Mais si je vous adresse aujourd'hui cette lettre, c'est parce que j'espère que vous m'écouteriez pour préparer le grand dessein. De l'Orient à l'Occident, de l'Antiquité à l'époque actuelle, personne n'a agi comme vous le faites en demeurant à l'étranger sous prétexte que la Patrie était couverte de pièges dans lesquels on risque d'être pris. Pour réveiller l'esprit du peuple, pour que nos compatriotes s'engagent dans le combat contre les occupants, il est indispensable d'être sur place. L'esprit de nos compatriotes est voilé parce que la politique d'oppression altère leur clairvoyance. Suivant votre méthode, vous avez rédigé des articles dans la presse d'ici afin d'inciter nos compatriotes à mobiliser leur énergie et leur esprit. Mais cela est vain. Parce que nos compatriotes ne savent pas lire le français, ni même le Quốc ngữ(15) ; ils sont incapables de comprendre vos articles !

Selon moi, quand on est parvenu à apprendre les bonnes théories et les bonnes méthodes, que l'on adhère à une

(13) Trait lancé par le lettré contre les mandarins collaborateurs.

(14) En vietnamien : Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh.

Đã từ lâu ngày rồi tôi, anh và ông Phan (Văn Trường) đã cùng nhau tranh luận nhiều điều, nhưng cho tới ngày nay anh vẫn không nhớ được ba mục tiêu của tôi đã đề ra: " Khai trí cho nhân dân (Bằng giáo dục), Bồi dưỡng chí khí của họ, và bảo đảm cuộc sống cho họ " (Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh).

Về phần tôi, tôi không ưa cái cách làm của anh, là chờ đợi thời cơ thuận lợi sẽ đến và tất cả mọi người phải sẵn sàng để xông lên hành động. Tôi cũng không tán thành lý luận của Phan Văn Trường: " Phải tranh thủ trước tiên là trái tim và khối óc của nhân dân. " Chính do nguyên nhân chúng ta không thống nhất ý kiến với nhau mà anh đã đánh giá tôi với ông Phan, cho tôi là: " Nhà nho bảo thủ và lạc hậu " Cái nhãn hiệu mà anh dán lên cho tôi, không làm cho tôi mất lòng vì rằng: tôi hãy còn đọc chưa thông tiếng Pháp, và tôi không thể hiểu được đầy đủ những tác phẩm được sáng tác ra ở trên cái đất nước có nền văn minh cao này, tôi tự thấy mình như một con ngựa đã mệt mỏi và tôi không thể nào phi nước đại được nữa. Tôi đâu có dám so sánh với Anh, người đang xung sức? Thành thật mà nói đã từ lâu tôi không dám khinh thường Anh; hoàn toàn trái lại, tôi ca ngợi Anh, và tôi nói điều này từ trong đáy lòng tôi, không một ít nịnh nọt! Những sự việc mà tôi nhắc lại ở trên đây chỉ có mục đích để nhắc anh nhớ lại. Nhưng nếu hôm nay tôi viết cho anh bức thư này vì tôi hy vọng rằng anh sẽ nghe tôi để chuẩn bị cho hậu vận to lớn sau này. Khắp từ Đông sang Tây, từ thời thượng cổ cho tới ngày nay, không có một người nào hành động như anh đã làm, là cứ ở lý bên nước ngoài với lý do là ở trong nước có đầy những cam bẫy, chúng ta có nguy cơ bị sập bẫy. Để thức tỉnh tinh thần của nhân dân, để làm cho đồng bào chúng ta xông vào cuộc chiến chống quân xâm lược chúng ta cần phải ở ngay trong đất nước. Tinh thần của đồng bào của chúng ta bị bung bít bởi vì chính sách đàn áp làm tiêu tan sự sáng suốt. Theo phương pháp của Anh, thì Anh đã viết những bài báo đăng trên báo chí ở đây, để mà kêu gọi đồng bào của chúng ta huy động mọi năng lực và tinh thần của họ.

Nhưng mà điều đó là vô ích. Bởi vì rằng đồng bào của chúng ta không biết đọc tiếng Pháp, không biết đọc cả Quốc ngữ nữa (1). Họ không có khả năng để hiểu được những bài báo của Anh!

Theo tôi, khi người ta đã đạt tới học được những lý luận tốt và những

doctrine, que l'on a la volonté d'œuvrer dans l'intérêt de son peuple et de sa Patrie, il ne faut pas rester à l'étranger à taper le tambour et sonner les cloches ; il faut rentrer chez soi, battre la campagne de toute part dans son pays, stimuler l'esprit des gens du peuple, rassembler les forces pour combattre l'autorité oppressive. C'est cela qui peut conduire à la réussite. Si vous ne m'entendez pas et persistez à appliquer ici votre méthode, vos talents seront inutiles(16). C'est pour-quoi je vous conseille de rentrer avec tout votre zèle pour exciter les bonnes volontés, afin que nos compatriotes unis des trois Kỳ luttent contre les oppresseurs. Et vous réussirez !

Je vous sais imprégné par la doctrine de Karl Marx et de Lénine. Que je vous précise un point important concernant leur propre histoire, afin que vous vous situiez mieux vous-même. Karl Marx était d'origine allemande ; pourchassé en raison de ses activités révolutionnaires, il fut contraint de chercher refuge en Angleterre. Mais, par la suite, il retourna dans son pays car c'était là qu'il voulait œuvrer. Quand on parlait de Révolution des Droits de l'Homme sur cette terre, le foyer en était représenté par l'Allemagne. Quant à Lénine, lui aussi fut pourchassé par les autorités russes ; c'est pour cette raison qu'il se réfugia en Allemagne, en France et en Finlande ; mais après, il retourna dans son propre pays pour appeler les ouvriers, les paysans, les soldats à se soulever et à faire la Révolution. Regardez ces deux personnalités, dont on admire les œuvres en Europe et en Amérique, et dont vous-même vénerez la doctrine. Ni l'un ni l'autre n'ont orienté leur action politique comme vous le faites en demeurant en terre étrangère.

En conséquence, si vous adhérez sans nulle réserve à leur théorie, vous devez vous rapatrier pour en être le propagandiste auprès des gens du pays, pour que, là-bas, vous en instruisiez tout le monde ! N'est-ce pas la meilleure méthode ?

Bien sûr, le risque est grand ! Il faut le prévoir. Mieux vaut voir loin que d'avoir courte vue. Mais depuis toujours ceux qui s'insurgent, avec des armes ou par la non-violence, contre les autorités oppressives, sont voués à la prison, aux

phương pháp hay, người ta đã gia nhập một Chính Đảng, người ta đã có chí khí để hành động cho quyền lợi của nhân dân mình và của tổ quốc mình, thì người ta không được ở lại ở nước ngoài để đánh trống và khua chuông; người ta phải trở về nhà mình, đấu tranh vận động ở khắp mọi nơi ở trong nước mình, động viên tinh thần mọi người trong nhân dân, tập hợp những lực lượng để đánh đổ chính quyền áp bức. Chính điều đó mới có thể dẫn tới thành công được. Nếu Anh không nghe tôi và Anh cứ cương quyết áp dụng ở đây phương pháp của Anh, thì tài năng của Anh sẽ trở nên vô ích (công dã tràng). Chính vì vậy mà tôi khuyên Anh trở về nước với tất cả lòng hăng say của anh để kích thích những người có tâm huyết, làm cho đồng bào của chúng ta đoàn kết lại ở cả ba kỳ cùng đấu tranh chống bọn áp bức. Và Anh sẽ thành công!

Tôi biết Anh đã thấm nhuần chủ nghĩa Các-Mác và Lê nin. Nên tôi nói rõ cho Anh một điểm quan trọng thuộc về lịch sử của chính bản thân chủ nghĩa Mác-Lê, để Anh có thể tự mình thấy rõ được vị trí của mình hơn. Các Mác là người Đức; bị đuổi đi vì lý do những hoạt động cách mạng, ông đành phải tìm chỗ trú thân ở bên Anh. Nhưng về sau ông cũng trở về đất nước mình, vì rằng chính đây là chỗ ông muốn hoạt động. Khi người ta nói về cách mạng những quyền con người ở trên đất nước này, thì lò lửa sinh ra nó là ở Đức. Còn về Lê Nin, ông ta cũng bị những nhà chức trách Nga đuổi đi, vì lẽ đó mà ông phải sang tạm trú ở Đức, ở Pháp và ở Phần Lan; nhưng về sau ông cũng trở về chính đất nước mình để kêu gọi thợ thuyền, dân cấy và binh lính để họ tự nối dạy và để làm cách mạng. Anh hãy nhìn lại hai con người đó, mà người ta ở Âu Châu và ở Mỹ châu đều khâm phục những công trình của các ông, và bản thân Anh cũng tôn thờ chủ nghĩa Mác Lê. Không một người nào lại hưởng những hoạt động chính trị của mình như anh đã làm, bằng cách cứ ở li trên đất nước ngoài.

Do đó mà, nếu Anh đã gia nhập không còn do dự gì theo chủ nghĩa Mác-Lê, thì Anh phải trở về nước để trở thành người tuyên truyền cho mọi người ở nước mình, để mà ở đó Anh giáo dục cho tất cả mọi người! Như vậy có phải là cách tốt nhất không?

Tất nhiên là, mỗi nguy hiểm sẽ rất lớn! Phải thấy được trước. Nhìn xa còn hơn là chỉ biết nhìn gần. Nhưng đã từ lâu nay những người làm bạo loạn bằng khí giới hay bằng không bạo lực, chống lại những chính quyền áp bức,

séances pouvant aller jusqu'à la mort. Témoin Đê Thám(17), avec sa tête exposée dans un marché, Phan Đình Phùng(18), exhumé de sa sépulture, avec ses os jetés dans le fleuve; les rois Hàm Nghi et Duy Tân et le lettré Thủ Khoa Huân, exilés, ainsi que d'innombrables victimes décapitées qui donnèrent leur sang à la Patrie(19). Si vous redoutez le risque, votre talent se perdra comme l'eau de la rivière qui s'écoule sous les ponts. C'est pour cela que vous devriez agir sur le terrain. Quelle chance ce serait alors pour le pays et pour nos compatriotes ! Si vous ne le faites point, vous gaspillerez, à coup sûr, toutes vos facultés.

Voyez Monsieur Phan Bội Châu qui ne m'écoula pas : il voulut récolter l'argent qui permet aux gens de le suivre au Japon ; il supplia les Japonais en invoquant notre communauté de race et de civilisation. Mais, au terme de ses va-et-vient clandestins il ne glana pratiquement rien ! Apparemment, sa théorie semblait intéressante ; mais, en y réfléchissant, elle s'apparentait à celle des Lê qui sollicitèrent l'aide chinoise pour combattre les Seigneurs de Trịnh(20), ou bien à celle des Nguyễn qui demandèrent l'appui de la France pour lutter contre les Tây Sơn(21). L'Histoire se répète devant nous, hélas ! Monsieur Phan Bội Châu adulait le précepte : même race, même souche de civilisation(22). Et supposez que la méthode de Phan Bội Châu réussit : nos compatriotes seraient toujours des montures ~~des chevaux~~ *des chevaux* simplement changé de cavaliers ! Au début, quand il commençait tout juste de militer, je lui répétais : " Restez dans le pays avec nous, les personnalités des trois Kỳ. Eveillez le peuple. Que ~~tout le monde~~ *tout le monde* comprenne que nous pouvons renverser nos oppresseurs. Mais Monsieur Phan Bội Châu ne m'écoula guère et jusqu'à maintenant, il persiste à croire que sa méthode est la meilleure. Je sais que vous n'approuvez pas Phan Bội Châu ; aussi pensé-je que, tôt ou tard, vous en viendrez à la méthode faisant appel à nos propres forces de l'intérieur, avec les populations des trois Kỳ, pour préparer le grand dessein.

Depuis toujours, je suis convaincu que ma méthode offre plus d'avantages que d'inconvénients. Au sommet, nous

déjà bị bắt tù đầy và có thể bị tử hình. Chúng có là Đê Thám bị chặt đầu bêu ở chợ. Phan đình Phùng bị quật mồ lên lấy xương cốt vứt xuống sông; Những ông vua Hàm nghi và Duy Tân và nhà nho thủ khoa Huân bị đưa đi đày, cũng như vậy không biết bao nhiêu là nạn nhân bị án tử hình, họ đã cống hiến máu của họ cho Tổ quốc. Nếu Anh sợ nguy hiểm thì tài năng của Anh sẽ mất đi như nước của con sông chảy ở dưới cầu. Chính vì vậy mà Anh phải hành động ở trên đất nước mình. Như vậy thì sẽ may mắn biết bao nhiêu cho đất nước và cho đồng bào của chúng ta! Nếu anh không làm như vậy, thì chắc chắn Anh sẽ phí phạm tất cả những khả năng của Anh.

Anh hãy xem ông Phan Bội Châu, ông đã không nghe tôi; Ông đã muốn quỳ tiền bạc để có thể đưa được những người theo ông đi sang Nhật. Ông ngửa tay xin người Nhật bằng cách kêu gọi tình cộng đồng da vàng và tình đồng văn hoá.

Nhưng kết quả của các cuộc đi lại bí mật của ông trong thực tế chẳng đem đến kết quả gì. Mới nhìn, lý luận của ông có vẻ tốt, nhưng nghĩ cho kỹ nó cũng giống như lý luận của các vua Lê, họ đã sang yêu cầu nhà Thanh Trung hoa giúp đỡ để đánh Chúa Trịnh. Lại cũng giống như lý luận của Chúa Nguyễn dựa vào Pháp để chống vua Tây Sơn! Lịch sử đã nhắc đi nhắc lại cho chúng ta nhiều lần. Nhưng chẳng may! Ông Phan Bội Châu vẫn cứ nêu lên khẩu hiệu: Cùng giống da vàng, cùng một nguồn gốc văn hoá. Nếu ví dụ như phương pháp của ông Phan Bội Châu thành công, thì đồng bào của chúng ta bao giờ cũng vẫn chỉ là những con ngựa cho người ta cưỡi, chỉ có thay đổi người cưỡi ngựa mà thôi! Ngay từ lúc ban đầu, khi ông khởi sự làm chính trị, tôi đã nhắc ông ấy; Hãy ở lại ở trong nước với chúng tôi, với nhân dân ở cả ba Kỳ, ông hãy thức tỉnh họ. Làm cho mọi người hiểu được là chúng ta có thể lật đổ được bọn áp bức chúng ta.

Nhưng ông Phan Bội Châu không nghe tôi và cho tới ngày nay, ông vẫn giữ lòng tin cho là phương pháp của ông là tốt. Tôi biết là Anh không tán thành ông Phan Bội Châu. Đồng thời tôi cũng nghĩ là, sớm hay muộn anh cũng sẽ tìm đến phương pháp dựa lên sức mình ở bên trong nước là chính, với dân số ở cả ba Kỳ để chuẩn bị cho sự nghiệp lớn.

Đã từ lâu, tôi đã tin chắc rằng phương pháp của tôi đem lại lợi ích nhiều

avons le gouvernement du protectorat : en bas, les mandarins cupides et la population de niveau fort médiocre. Rien de mieux que de se fonder sur les principes des Droits de

l'Homme pour activer l'énergie du peuple. Je pratique cette méthode par voie orale afin de ne pas prêter le flanc ; pour que nos compatriotes s'unissent contre le système fiscal, dénoncent les mandarins corrompus, et aussi qu'ils refusent de coopérer dans certains domaines, pour que tous se donnent la main afin de faire respecter leurs droits et leurs intérêts.

Grâce à cette méthode, nous pouvons faire état de tout ce que nous avons sur le cœur et si, par malheur, quelqu'un nous dénonce, aucune preuve palpable ne peut être fournie pour nous emprisonner ou nous punir. Evidemment, cette méthode ne nous permet pas de travailler longuement ; l'autorité cherche par tous les moyens à nous en empêcher ; mais, quand elle y parvient, n'y en a-t-il point d'autres pour poursuivre l'entreprise ? Au moment des manifestations antifiscales, Châu Thơ Đồng agit ainsi en clamant durant plusieurs jours les revendications devant la population ; jusqu'à l'épuisement total qui le conduisit à la mort. Telle fut la vérité ! A l'heure actuelle, suivant cette même méthode, on risque d'être emprisonné ; mais beaucoup de gens sont prêts à prendre le relais (23) ; le peuple est en mesure d'agir comme les vagues qui se succèdent et de déferler contre les autorités oppressives.

Si vous adoptez cette façon de faire, je suis persuadé que la doctrine que vous chérissez tant pourra être diffusée dans le peuple ; tandis qu'en demeurant ici à rédiger vos articles et à lancer des appels théoriques, vos entreprises deviendront de plus en plus inefficaces.

Je suis un homme condamné ; je dois résider ici ; mes membres sont ligotés ; pourtant je souhaite toujours que le gouvernement français m'autorise à quitter la France, au moins pour me rendre en Chine où je travaillerai comme journaliste afin de survivre jusqu'au moment propice où je pourrai enfin rentrer au Pays. Alors, dès que j'aurai foulé le sol de la Patrie, je m'emploierai de toutes mes forces à réveiller les populations des trois Kỳ afin de faire tomber le pouvoir qui

hon là đem đến tổn hại: ở trên cùng chúng ta có Chính phủ Bảo hộ, ở dưới là những quan lại tham nhũng và dân chúng ở một trình độ rất tối tăm. Không có cách nào hơn là xây dựng lên trên những nguyên tắc quyền con người để thúc đẩy lực lượng của nhân dân. Tôi thực hiện phương pháp này bằng cách tuyên truyền bằng miệng, mục đích để không bị hờ hững; để làm cho đồng bào của chúng ta tự đoàn kết lại chống chế độ áp bức bóc lột, tố cáo những quan lại tham nhũng, và cũng nhờ vậy nhân dân từ chối không chịu hợp tác trọng một số lĩnh vực, làm cho tất cả nắm chắc tay nhau để làm cho những quyền hành và những quyền lợi của mình được tôn trọng.

Nhờ có phương pháp này chúng ta có thể làm nảy nở tình trạng của tất cả những điều mà chúng ta còn ấp ủ ở trong tim, và nếu không may có một vài người xấu tố giác chúng ta thì không có một chứng cứ nào rõ ràng có thể cung cấp được để bỏ tù và trừng phạt chúng ta. Nhất định là phương pháp này không cho phép chúng ta làm việc được lâu dài. Chính quyền sẽ tìm mọi cách để ngăn cản chúng ta; nhưng khi họ đã tìm ra được, chúng ta có còn người nào khác để tiếp tục sự nghiệp nữa không? Trong khi tổ chức những cuộc biểu tình chống chính phủ, Châu Thơ Đồng đã hành động như vậy bằng cách đọc to trong nhiều ngày liền những lời yêu sách trước nhân dân; cho đến tận khi kiệt sức hoàn toàn, nó đã dẫn anh đến chết. Sự thật là như vậy đó! Đến bây giờ, theo cùng một phương pháp này, người ta có thể bị bắt bỏ tù; nhưng có rất nhiều người đã sẵn sàng để tiếp sức với chúng ta; nhân dân đã có đủ trình độ để hành động như những làn sóng cứ nối tiếp nhau và trào lên nhấn chìm những chính quyền áp bức.

Nếu Anh chấp nhận cách làm như vậy, tôi tin chắc rằng cái chủ nghĩa mà Anh yêu quý nhất sẽ có thể được truyền bá trong nhân dân; Còn như nếu Anh cứ ở lì ở đây để viết những bài báo và hô hào những lời kêu gọi lý luận, thì những công việc làm của Anh sẽ trở thành mỗi ngày một mất hiệu quả.

Tôi là một người đã bị can án; tôi phải ở tại đây; hai chân tôi đã bị chôn chặt; mặc dù vậy bao giờ tôi cũng vẫn mong được chính phủ Pháp cho phép tôi, ít nhất để cho tôi được đi sang Trung Quốc, ở đó tôi sẽ làm việc như một nhà báo để tôi có thể còn sống cho đến khi thuận lợi, lúc đó tôi sẽ có thể lại trở về tổ quốc. Như thế, ngay từ lúc tôi được đặt chân lên mảnh đất của Tổ quốc, tôi sẽ sử dụng tất cả sức lực của tôi để thức tỉnh nhân dân của cả ba Kỳ để đánh

dó chính quyền đã áp bức chúng ta.

Anh Nguyễn thân mến, tôi vừa trình bày với Anh những tình cảm sâu sắc nhất của tôi. Bây giờ tôi giống như một con chim bị nhốt ở trong lồng, hay là con cá ở trong chậu; một cái cây già cỗi mà một cơn gió đã làm lung lay dễ dàng; một người già nua tinh thần đã bạc nhược. Tôi giống như một bông hoa tàn, do đất nước của chúng ta đã bị phá sản, và do gia đình của chúng ta đang có tang, tôi mong muốn dành những hơi thở cuối cùng để làm thức tỉnh nhân dân: Không biết nhân dân có thoát khỏi bị tê liệt tinh thần và khiếp sợ không?

Nhưng còn Anh, Anh là một cái cây còn xanh, tràn đầy nhựa sống. Anh đã được học hành đầy đủ; Anh đã tiếp thu được những lý luận; nhưng Anh không nghe lời tôi vì rằng Anh vẫn cứ ở lại đây. Những tài năng của Anh làm thế nào mà áp dụng được? Tôi khuyên Anh, với tất cả tâm hồn là phải thay đổi phương pháp cho sự nghiệp lớn.

Tôi chúc Anh thành công và mong ước rằng chúng ta sẽ được gặp lại nhau ở trong Tổ quốc của chúng ta.

Phan Châu Trinh

nous opprime.

Cher Nguyễn, je viens de vous exposer mes sentiments les plus profonds. A présent, je suis comme l'oiseau enfermé dans sa cage, ou le poisson dans son bassin; un vieil arbre que le vent ébranle facilement; un vieil homme dont l'esprit s'étiolé. Je suis comme la fleur flétrie, à cause de notre Pays en ruines et de nos familles en deuil. Je veux, dans mes derniers souffles, interpeler: le peuple sortira-t-il de son engourdissement, de sa torpeur?

Mais vous, vous êtes un arbre vert débordant de vigueur. Vous avez parfaitement étudié; vous avez assimilé les théories; mais vous ne m'entendez pas car vous restez ici. Comment vos talents s'appliqueront-ils? Je vous conseille, en toute conscience, de changer de méthode pour la grande cause. Je vous souhaite de réussir en espérant que nous nous reverrons dans notre Pays.

Phan Châu Trinh. »

**KÝ ỨC CỦA CỤ LÊ THANH CẢNH
VỀ CUỘC GẶP GỠ Ở PA.RI NĂM 1922
GIỮA CÁC CỤ
NGUYỄN ÁI QUỐC, PHAN CHU TRINH
CAO VĂN SẾN, PHẠM QUỲNH VÀ
NGUYỄN VĂN VĨNH**



PHẠM DUY TÔN PHẠM QUỲNH NGUYỄN VĂN VĨNH
ĐỮ ĐẦU XÃO THUỘC ĐỊA MARSEILLE 1922

DƯỚI MÁI TRANH TRƯỜNG QUỐC HỌC

(Phần tiếp theo)

LÊ THANH CẢNH

LỜI NGƯỜI VIẾT

Sau khi đưa bản thảo "Ký-Ức" về trường Quốc-Học, tôi đã khẩn khoản xin cùng ông Hội-trưởng Hội Ái Hữu Cựu H.S.Q.H, cho tôi xin đặt dấu "Chấm hết" sau bài đã đăng vào số 2. Nhưng tôi không khỏi thắc mắc khi thấy ông Hội-Trưởng nghĩ sao không biết mà cho thêm hai chữ "Còn nữa", buộc tôi hôm nay phải một lần nữa đến cùng Quý vị góp "nợ bút nghiên" đối với mái trường yêu mến của tất cả chúng ta.

Sở dĩ tôi xin đặt dấu "Chấm hết" là vì nói nhiều về "chuyện xưa tích cũ" thì không thể nào bỏ ra ngoài được "cái tôi" đáng chết mà trong số 2 vừa rồi chính cụ Nguyễn-Hoài cũng đã đề cập đến. Đối với kẻ viết bài này, "cái tôi đáng ghét" lại còn là "đáng phỉ nhổ" vì câu chuyện năm mươi năm trước không thể gì nhớ lại được, nếu không lôi cuốn trong tiếm-thức "cái tôi" để dựa vào mà viết những chuyện không có thể tìm đâu ra tài liệu nào khác ngoài ký-ức của bộ óc thô-thiển của "cái tôi đáng tội" này.

Một lần nữa tôi xin Quý Độc-giả lượng-tình thể tất cho tôi trước khi nghe tôi kể chuyện Anh Quốc và tôi trên đất Pháp, vì bất cứ trường hợp nào cái "tôi đáng phỉ nhổ" nó cứ lộ dạng ra mãi, mà nó lộ dạng không phải vì danh vì lợi gì hết, vì suốt đời tôi không khi nào chạy theo bả vinh-hoa. Một việc này chứng minh hùng hồn cho đời tôi là sau khi Nam-Triều và Bảo-Hộ thoả-thuận, chấp nhận ký danh hậu-bổ vào Quan-lại tất cả Tham tá ngạch Toà-Sứ, thì tôi và Ô. Ứng-Thuyên, tự nhiên chẳng ai bảo ai cấp tốc đệ đơn xin "xoá tên".

Dấu sao tôi quả quyết rằng gặp cảnh-ngộ nào khó khăn gay gắt đến đâu, tôi cũng đã làm tròn bổn-phận con người và lãnh trọn vinh nhục của nó.

Đối với QUÁ-KHỬ, có người bảo phải bỏ quên, người khác lại bảo phải ghi nhớ, đó là tùy theo quan niệm của mỗi người suy tư khác hẳn nhau. Theo tôi nghĩ, một dân-tộc bị trị, thì tất cả QUÁ KHỬ cần phải ghi chép để nhận thấy trong lịch-sử và Văn-hoá dĩ vãng những bài học thấm thía khả dĩ tìm thấy đường mà vươn dẫu lên.

Kính ý

Lê-Thanh-Cảnh

THỬ ĐI TÌM MỘT LẬP TRƯỜNG TRANH ĐẤU
CHO DÂN TỘC VIỆT NAM

Nhân dịp các nhân viên Phái đoàn Nam Triều đi dự cuộc triển lãm do Pháp quốc sử địa tổ chức tại Ba Lê, được Hội ấy tặng mỗi người một mé dầy vàng.

Ô. Trần-Đức nói khê vào tai tôi, bảo hai anh em chúng mình mời bốn cụ Phạm-Quỳnh, Nguyễn-Văn-Vinh, Trần-Ngọc-Thiện, Cao-Văn-Sến đến chiêu hôm ấy dùng cơm tại Khách-Sạn Montparnasse. Chúng tôi nhân mời thêm cụ Phan-Tây-Hồ, anh Quốc, vợ chồng Trần-Hữu-Thường và ông. Hồ-Đắc-Ứng.

Bữa tiệc này tuy chỉ có mười người mà câu chuyện rất mặn mà sôi nổi vì có sự hiện diện của năm nhân vật phi thường ngồi chung lại một bàn.

Năm nhân vật ấy theo năm khuynh hướng chính-trị khác nhau mà gặp nhau trong một lúc trên đường tranh đấu xa quê-hương, nên trong sự va chạm đó cũng phải nảy lửa đôi chút. Nhưng Ô. Đức và tôi là chủ mời, muốn giữ mãi hoà-khi giữa đồng-bào, nên chúng tôi cố gắng hết sức niềm nở và tìm đủ cách để dung hoà các khuynh hướng, thành ra bữa tiệc chánh-trị mà mãi mãi sau này mỗi khi chúng tôi gặp lại nhau đều thừa nhận là chúng tôi đã tỏ ra hết sức cỏi mớ và hiểu hoà.

Ô. Đức và tôi đứng lên nhã nhặn thành kính xin tất cả quan khách-dã gặp nhau đây-có thể cùng nhau tìm một giải-pháp cứu quốc và kiên quốc để khỏi mang tội với các vị tiền-bối vị quốc vong nhân đã qua đời và các vị tiền-bối hiện nay còn vất vả bôn ba ở hải ngoại cũng như còn ở tù trong lao tù.

Tôi xin nói tiếp là tại đây có năm nhân vật lỗi lạc trên chính-trường, tôi xin nêu danh-sách và khuynh-hướng để cùng nhau biết rõ lập trường của mỗi chiến sỹ để tranh luận cho có hiệu lực.

Tôi xin thưa qua danh-tánh và khuynh-hướng chính-trị, có chỗ nào sai lầm, xin đương sự làm ơn cải-chánh cho cứ-toạ nghe. Tôi xin thưa:

I) Cụ Phan-Châu-Trình, đồng chí với tôi. Cụ đã làm quan, bỏ về theo đường cách-mệnh. Đi Nhật, về nước bị tù đầy ra Côn-Lôn, nhờ Hội Nhân-Quyền Pháp can thiệp được trả tự do qua Pháp sống lay lắt, gặp chiến tranh không chịu đi đánh giặc bị giam cầm một thời gian. Nay chủ-trương: "Lao tu cộng tác ý Pháp cầu tiến bộ".

2) Anh Nguyễn-Ai-Quốc, trốn ra khỏi nước nhà, qua Pháp, qua Anh rồi trở về Pháp, chủ trương "Cách-mệnh triệt để" (Lúc ấy chưa công khai chủ trương Cộng-Sản vì ở Pháp lúc bấy giờ ông Nguyễn Văn Tạo đã là Phó Chủ tịch Đảng Cộng-sản tại Bordeaux)

3) Ô. Kỹ-sư Cao-Văn-Sến, viết báo bằng Pháp-Văn, tại Pháp cực lực phản đối thực-dân Pháp ở Đông-Dương. Đường lối tranh đấu cho Tổ-Quốc Việt Nam gần như Cụ Phan Tây-Hồ và cũng thiên về Đảng Lập-Hiến Đông-Dương của cụ Bùi-Quang-Chiêu.

4) Ô. Phạm-Quỳnh, Chủ-nhiệm Tạp-Chí Nam-Phong, chủ-trương Quân-chủ Lập-Hiến.

5) Ô. Nguyễn-Văn-Vinh, chủ nhiệm Báo Trung-Bắc-Tân-Văn chủ-trương "Thực-trị", và kịch liệt phản đối quan lại Nam-Triều mà ông không còn tin tưởng được nữa.

Kính xin quý bạn dùng com vui vẻ và lần lượt giải-thích thảo luận, trình bày những khía cạnh chủ-trương của mình mà anh em còn thắc mắc.

Cụ Phan Tây-Hồ bắt đầu nói: Tôi đã gặp Nguyễn-Ai-Quốc từ 10 năm trước đây mà tôi nhận thấy anh chủ-trương Cách-mệnh triệt để quá táo bạo nên tôi không thể theo anh được, và anh cũng không chấp nhận đường lối của tôi, anh phải đi qua nước Anh rồi về đây. Vừa rồi mấy tuần nay có Ô Cảnh, bạn thân của anh và cũng đồng châu với tôi, có tìm đủ cách để dung hoà đường lối tranh đấu mà mong muốn cho hai chúng tôi xích lại gần nhau. Nhưng đầu tôi tỏ thiện chí đến đâu, tôi cũng thấy còn khó...

Anh Quốc tiếp lời: Mấy hôm nay anh Cảnh qua đây có tiếp xúc nhiều với tôi và có nói cho tôi một câu ước mơ của Cụ Trần Văn: Nếu cuộc khởi-nghĩa của Vua Duy-Tân thành công thì sau này việc đầu tiên chúng ta sẽ làm là viết chữ Việt-Nam không phải: chữ "Tuất" một bên, mà phải viết chữ "Việt" là Phủ Việt, "Riù búa", mới kiện toàn được sự-nghiệp cách-mệnh. Sở dĩ tôi chủ-trương cách-Mệnh triệt để là xưa nay muốn dành độc-lập cho Tổ-Quốc và Dân-Tộc thì không thể nào ngã tay xin ai được mà phải dùng sức mạnh như cụ Trần-Cao-Vân đã nói là phải dùng BÚA RIÛU.

Ô. Nguyễn-Văn-Vinh cướp lời ngay đã bênh vực chủ-trương của mình mà cũng để giác ngộ anh Quốc - Tôi đã từng đứng trong hàng ngũ Đông-Kinh

Nghĩa-Thục, cùng các bậc tiên-bối và rất đau đớn thấy hàng ngũ lần lượt tan rã. và hầu hết phần tử ưu tú chiến sĩ quốc-gia bị tiêu diệt: Hết Phong-Trào Đông-Kinh Nghĩa-Thục, Chiến khu Yên-Thế của Đê-Thâm ở Bắc, rồi đến vụ xin thuê ở miền Trung, rồi đến Thiên-Địa-Hội và Phong-Trào kháng chiến ở Nam, Phong-Trào Cán-Vương ở Trung, trước sau đều bị phân tán đến nỗi ngày nay tất cả tổ-chức cách-mệnh ấy chỉ còn cái tên trong ký-ức chúng ta thôi: Bao nhiêu chiến sĩ đều gục ngã hoặc còn vất vưởng sống ở Côn-Đảo, Thái-Nguyên. Lao Bảo, hay Banmethuot. Bạo động như anh Quốc nói là thậm nguy! Tôi không muốn khóc anh Quốc bị tiêu mà khuyên anh khôn khéo chèo chống cho qua cơn sóng gió hải hùng, cẩn trọng hoài bão chí khí và nhiệt huyết để phụng sự Tổ-Quốc và Dân-Tộc. Hiện nay, khó mà được người có can-trường đánh sắt như anh. Sở dĩ tôi theo lập-trường TRỰC TRỊ (admininistion directe) là kinh nghiệm cho tôi thấy Nam-Kỳ thực-trị mà tiến bộ quá xa hơn Trung Bắc. Mà Bắc-Kỳ nhờ chế độ mập mờ nửa Bảo Hộ nửa Thực-Trị (không công khai) mà còn hơn Trung-Kỳ quá xa. Chính thế Bảo-hộ tại Trung-kỳ là quá lạc hậu, đồng bào chúng ta ở đó còn trong tình trạng ngu muội. Cứ Thực-Trị cái đã rồi sau khi được khai hoá theo đà tiến bộ thì tức khắc dân chúng tự có sức mạnh mà trỗi dậy lên. Nói Thực-trị tôi chẳng khi nào chịu giao nước Nam cho Tây đâu. Qua khứ đường lối tranh đấu của tôi, cuộc đời thiếu thốn của tôi đã hùng hồn bảo-đảm cho lời nói của tôi hôm nay.

Ô. Phạm-Quỳnh tiếp: Có lẽ ngay giữa tiệc này tôi đã thấy có rất nhiều lập-trường tranh đấu chống lại chủ-thuyết mà tôi vẫn hoài bão: "QUÂN CHỦ LẬP HIẾN". Nói đến nền quân-chủ thì phần đông tỏ vẻ lo sợ chế-độ chuyên chế. Nhưng xin đồng bào tương mắt nhìn hai nước Anh và Nhật. Với nền Quân-chủ họ đã văn minh tốt mức và dân-chủ còn hơn các nền dân-chủ cộng-hoà khác nhiều lắm. Họ có thể đứng vào hàng đàn anh trên hoàn cầu. Đây tôi chủ-trương là "Quân-Chủ Lập-Hiến". Vua chẳng còn quyền hành gì trong tay mà chuyên chế được. Vua chỉ là người đứng lên "thừa hành" bản hiến-pháp mà chính nhân dân toàn quốc được triệu tập dự thảo và quyết định. Như thế chúng ta có một chế-độ trường cửu do ý dân tự tạo cho mình. Chớ như chế-độ Cộng-Hoà hay Dân-chủ thì sợ mỗi khi sau bốn năm, có thay đổi Tổng Thống thì thay đổi tất cả, làm cho guồng máy hành-chánh trong nước phải bị xáo trộn trầm trọng.

Từ ngày tôi sáng lập Tạp-chí Nam-Phong đến nay tôi có nhiều dịp đi đó đây tiếp xúc rất đông đảo bào ba kỳ thi phân đông - mà xin quả quyết là đại đa số - đều nhiệt liệt tán thành chế-độ quân-chủ lập-hiến. Người Nam cũng niếm nở hưởng ứng vì họ thấy đó là đường lối duy nhất để thống nhất lãnh thổ và dân-tộc từ mũi Cà mau đến ải Nam-Quan.

Ô.Phạm-Quỳnh vừa dứt lời thì tôi ngó qua Ô.Kỹ-sư Cao-Vân-Sến. Biết là đến phiên biện giải, ông Sến tiếp lời ngay để nói đường lối tranh đấu của mình.

- Thú thật, tôi tiếm nhiệm sâu xa văn-hoá Pháp và cũng nhận thấy văn-hoá này có thể giúp cho dân tộc ta tiến lên dài văn minh tiến bộ như mọi dân tộc khác trên hoàn cầu. Tôi thấy họ văn minh thật sự về mọi mặt. Nhưng từ ngày tôi ở đây, luôn luôn chống đối chính-phủ Đông-Dương, vì tôi nhận thấy cũng là người Pháp, mà mỗi khi bước chân xuống tàu qua Đông Dương, thì bắt đầu có trong khối óc họ những chủ-trương thực-dân hà chính tàn khốc, mà tôi không thể chấp nhận được cho đồng bào cả ba Kỳ, mặc dầu ở Nam-kỳ, dân khí đã tiến bộ khá mạnh, người Pháp chẳng dám ăn hiếp như ở hai kỳ kia. Vì thế tôi nhờ tài liệu nước nhà mà anh em thủy-thủ hàng hải thường vui lòng cung cấp cho tôi dùng làm hào để chống đối chế độ thực dân ở Đông-Dương. Tôi thành thực thừa rằng tôi chưa có một chủ-thuyết rõ rệt như bốn ông vừa giải thích rành mạch. Tôi chỉ có thái độ chống bọn thực dân xấu xa bỉ ổi.

Ô.Cao-Vân-Sến được cử-toạ nhiệt liệt hoan hô, vì ông khiêm nhượng không dám đưa ra một chủ-thuyết gì mới mà chỉ nói lên lời nói chân thành của con tim người dân yêu nước, yêu đồng bào.

Nhận thấy năm diễn-giã đã nói lên lập trường của mình và ai cũng biện minh chủ-thuyết mình là đúng là hay, tôi muốn tìm cách dung hoà đúc kết làm sao mà sau khi ai về nhà nấy ai cũng sẽ có một hệ thống gì để lại sau lưng chúng ta khả dĩ tiếp tục tranh đấu đến thắng lợi. Lời nói thì hay, nhưng để như vậy ra về, thì thiếu thống nhất cho đường lối tranh đấu về tương lai.

Tôi khẩn khoản xin Quý Cụ là bậc tiến-bối nên thảo luận ngay một kế hoạch hay hệ-thống nào để làm việc cho có hiệu quả về sau.

Anh Quốc nóng nảy bảo ngay: Thì xin Chú nói ngay ý kiến chú ra.

Tôi tiếp lời: Cũng như anh đã trả lời cho Cụ Phan mấy hôm trước đây, tôi muốn nghe ngóng tất cả để sau này áp dụng một chủ-nghĩa thực tiễn, lấy

Văn-hoá Việt-Nam làm gốc. Có thể mới hợp với tính tình Dân Tộc Việt-Nam: Hành động gì bây giờ là thất bại ngay, mà cũng như Cụ Phan-Tây-Hồ đã trình trọng cảnh cáo hai anh em chúng tôi mấy kỳ gặp gỡ trước đây, mà tôi rất bái phục:

"Vô bạo động, bạo động tác tử, vô vọng ngoại, vọng ngoại tác ngu. Dư hữu nhất ngôn dĩ cáo ngộ đồng bào. Viết: Bất như "Học".

Anh Quốc, quát to tiếng: "Này cụ Tây-Hồ, nếu Cụ qua làm Toàn-Quyén Đông-Dương thay mặt thực-dân cũng chỉ nói như thế thôi. Bỏ tay mà chịu làm than sao? Không được !

Tôi sợ anh Quốc đi quá trốn, đứng lên thưa, ôn hoà: Tôi xin anh suy nghĩ thêm về lời khuyên của Cụ Tây-Hồ. Nếu chúng ta khôn khéo thì "bất chiến tự nhiên thành".

Anh Quốc lại quát lớn: "Lại thêm chú này nữa kia!"

Tôi được dịp kịch liệt bác bỏ luận điệu Anh Quốc và bênh vực chủ thuyết của Cụ Tây-Hồ:

- Tôi có đọc và rất chú ý đến mấy lời kết luận một bài diễn văn của Tổng-Trưởng Thuộc-Địa Albert Sarraut vừa đọc tại Trường Cao-Học Thuộc-Địa như thế này:

" Chúng ta nên thành thực khai hoá thuộc địa mệnh mông của chúng ta khắp năm châu.

"Biết đâu, một ngày nào đó chẳng xa, sau khi được khai hoá tiến bộ đến mức, các dân tộc này sẽ trở dậy, đồng mãnh như "LÀN SÓNG THỐI HẬU" (vagues de ressac: sic) và sẽ là sức mạnh vô biên cho toàn thể Liên-hiệp-Pháp với dân số trăm triệu!"

Xin anh Quốc hiểu cho, đó là tham ý tôi nói mấy chữ "bất chiến tự nhiên thành". Nhưng chúng ta phải nghe lời tiên- bối như Cụ Phan-Tây-Hồ, bắt đầu HỌC và hằng hái HỌC.

Anh Quốc không chịu và nói chớ nghe bọn nó ru ngủ chúng ta, mà bỏ lỡ công cuộc tranh đấu cho Tổ-Quốc, ngồi chờ "làn sóng thối hậu" thì ngớ ngẩn quá, chớ nghe chúng phỉnh!

Tôi không chịu nhượng bộ, vội vã tiếp:

- Xin anh Quốc quay lại lịch sử nhân loại mà suy gẫm câu nói chí lý của nhà văn hào La-Mã, HORACE, gần hai nghìn năm nay, như thế này:

"Hy-Lạp bại trận dưới gót giày xâm lăng của La-Mã, bị văn-hoá La-Mã tràn ngập ! Nhưng Hy-Lạp đã khôn khéo tiêu hoá nền văn minh kia, để bồi

đường văn-hoá truyền thống của mình, rồi nhờ đó, chiến thắng lại kẻ đã đánh bại mình trước kia và đem văn-hoá phối hợp của mình đi chinh phục và khai hoá lại La-Mã."

Xin Anh Quốc nên suy gẫm rằng "bánh xe lịch sử" sẽ tiếp tục lăn tròn và đến ngày dân-tộc Việt-Nam sẽ theo "làn sóng thời hậu" mà vùng dậy thì chẳng còn sức mạnh nào ngăn chặn nổi.

Tôi đặt nhiều hy vọng vào tương lai Dân-Tộc Việt-nam vì sức mạnh vô biên của Văn-Hoá Việt-Nam có những "Bí quyết tồn chủng" mà dân tộc khác không nghĩ đến.

Cử-toạ nghe lời tôi biện bạch xác đáng là cứ ôn hoà chờ đợi thời cơ thuận tiện để tranh đấu.

Thấy anh Quốc chưa hoàn toàn chịu phục, tôi nói thêm về lịch sử Trung-Hoa: "Hán Sở tranh hùng" mà nhấn mạnh rằng: Cái thắng lợi cuối cùng không phải về cho kẻ mạnh, mà kẻ yếu biết khôn khéo dùng "thế" và "cơ" để thắng cuộc. Lúc bấy giờ ai mạnh cho bằng Hạng-Võ, ai yếu cho bằng Lưu-Bang. Nhưng Lưu-Bang rút lui về Hán-Quốc, là nơi khí họ cò gáy, để tìm cho kỹ được cái thế (vì có thế là cái bàn đạp thì dễ dàng xeo nổi quả địa-cầu kia mà), rồi sau khi ngồi trên "thế" sẽ dùng đến "cơ" mà đánh bẹp Hạng-Võ phải tự ãi ở Ô-Giang!

Làm chính trị phải suy luận chín chắn bài học lịch sử. Tôi khẩn khoản xin anh nghe lời Cụ Tây-Hồ. Cử-Toạ đồng thanh cho tôi nói đúng lý, và ngó lời cùng ô. Đức và tôi rất cảm kích và bữa tiệc hôm ấy.

Trước khi chia tay, tôi còn khẩn khoản thưa cùng Quý khách đôi lời đã đúc kết cuộc thảo luận hôm nay bằng-lời quả quyết rằng: Bất cứ chính sách gì cho Tổ-Quốc Việt-Nam ngày mai, mà không dựa vào nền tảng Văn-Hoá và Văn-Hiến nghìn xưa của Dân-Tộc sẽ bị thảm bại. Vì dân ta đã thấm căn cơ để tiềm nhiệm sâu sắc với những tập quán cha truyền còn nổi bằng một tinh-thần cố hữu đã được đơm hoa kết quả tốt đẹp qua bao cuộc thăng trầm.

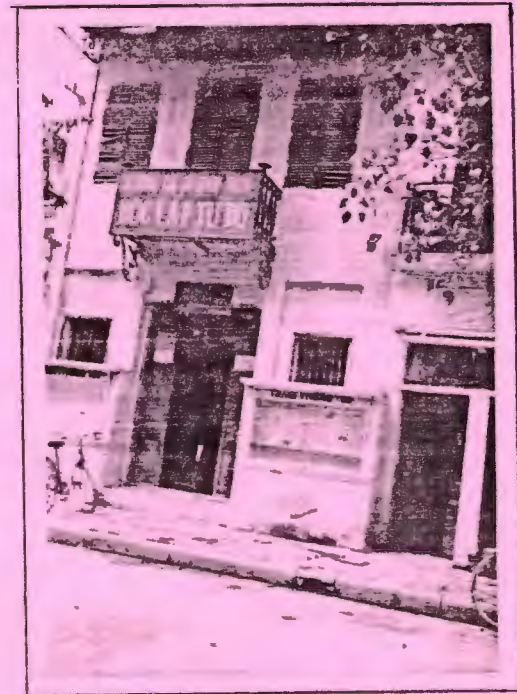
Các Cụ cho là phải, lần lượt bắt tay tôi siết thật mạnh tỏ vẻ tán thưởng tâm nhiệt thành của tôi.

Phần đông quan khách hôm ấy đều có xe, nhiều người đổ xô ra mời cụ Phan và anh Quốc lên xe để họ đưa về. Nhưng anh Quốc rì tai cùng tôi, bảo: Chú đưa mình về, vì mình không muốn ai biết cái nghèo của mình.

Lê-Thanh-Cảnh



NHÀ 46 PHỐ HÀNG GIẤY HÀ NỘI, NƠI SINH ÔNG NG. Y. VINH



NHÀ 34 PHỐ HÀNG MÃ MÂY HÀ NỘI, NHÀ Ở CỦA GIA ĐÌNH Ô. NG. Y. VINH 1907-1921